

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 2002/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của
Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1446/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 662/TTr-SKHCHN ngày 26 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng tại Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và bãi bỏ các quyết định sau:

1. Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới và Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

2. Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố Danh mục TTHC sửa đổi và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

4. Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

5. Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

6. Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ, lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

7. Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

8. Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

9. Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KHCN;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Trung tâm TTGSĐHTM (IOC);
- Lưu: VT, NCKS, SKHCN.

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Lê Trung Chinh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Quyết định số 2002/QĐ -UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
I	LĨNH VỰC BƯU CHÍNH (07 TTHC)								
01	Cấp giấy phép bưu chính	1.003659. H17	20 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Phí: - 4.250.000 đồng đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp. - 10.750.000 đồng đối với trường hợp thẩm định cấp phép lần đầu.	- Luật Bưu chính năm 2010. - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính. - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ. - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính. - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.			
02	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	1.003687. H17	10 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Phí: - 750.000 đồng đối với trường hợp thay đổi các nội dung khác trong giấy phép). - 2.750.000 đồng đối với trường hợp mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ nội tỉnh	- Luật Bưu chính năm 2010. - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính. - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ. - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính. - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.			
03	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	1.003633. H17	10 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Phí: 5.375.000 đồng	- Luật Bưu chính năm 2010. - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính. - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						Chính phủ. - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính. - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.			
04	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	1.004379. H17	07 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Phí: 500.000 đồng	- Luật Bưu chính năm 2010. - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính. - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ. - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính. - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.			
05	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	1.004470. H17	10 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành	Phí: - 1.000.000 đồng đối với trường hợp với chi nhánh, văn	- Luật Bưu chính năm 2010. - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				chính công thành phố Đà Nẵng	phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam. - 1.250.000 đồng đối với trường hợp tự cung ứng dịch vụ phạm vi nội tỉnh. - 1.250.000 đồng đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.	- Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ. - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính. - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.			
06	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị	1.005442. H17	07 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực	Phí: 500.000 đồng	- Luật Bưu chính năm 2010. - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011	Sở Khoa học và Công	Sở Khoa học và Công	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	mất hoặc hư hỏng không sử dụng được			<i>tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính. - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ. - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính. - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.	nghe	nghe	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
07	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	1.010902. H17	10 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Bưu chính năm 2010. - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính. - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi
II	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET (24 TTHC)								
08	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn	1.013819. H17	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương								
09	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	1.013877. H17	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
10	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc	1.013885. H17	Không có	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông					phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
11	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông	1.013888.H17	Không có	Địa điểm tiếp nhận	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-	Sở Khoa học và	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn			<i>hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Công nghệ		

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	thông								
12	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	1.013912. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Giải quyết hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
13	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	1.013897. H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						Bộ Khoa học và Công nghệ.			
14	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	1.013899. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải quyết hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.			
15	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.013900. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải quyết hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.			
16	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định	1.013901. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải quyết hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		tính hợp lệ của hồ sơ.			lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.			
17	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không	1.013902. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm	Sở Khoa học và Công	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải quyết hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	<i>tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	phép	2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử	nghệ		

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.			
18	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	1.013903. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải quyết hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.			
19	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm	1.013904. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải quyết hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP					chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.			
20	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không	1.013905. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải quyết hồ sơ: 15	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Đà Nẵng		CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
21	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	1.013906. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải quyết hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.			
22	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.013907. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải quyết hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.			
23	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	1.013976. H17	- Xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải quyết hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
24	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	1.013908. H17	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
25	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.013909. H17	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
26	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để	1.013913. H17	20 ngày kể từ ngày nhận	Địa điểm tiếp nhận	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-	Sở Khoa học và	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động		được hồ sơ hợp lệ	<i>hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Công nghệ		
27	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	1.013914. H17	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
28	Gia hạn chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di	1.013915. H17	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	động			vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
29	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	1.013917. H17	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
30	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	1.013910. H17	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không có	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				Đà Nẵng		của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
31	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	1.013911. H17	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Viên thông năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viên thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
III	LĨNH VỰC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (20 TTHC)								
32	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2.002777. H17	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.			
33	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2.002778. H17	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.			
34	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2.002775. H17	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.			
35	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2.002779. H17	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.			
36	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2.002781. H17	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
37	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2.002782. H17	07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
38	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện	2.002776. H17	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022;	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	nghiệp dư		quy định.	tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.			
39	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2.002787. H17	11 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				Đà Nẵng		lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.			
40	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2.002783. H17	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.			
41	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2.002784. H17	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.			
42	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2.002785. H17	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.			
43	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2.002786. H17	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BTC ngày 14/11/2016.			
44	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2.002788. H17	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
45	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị	2.002789. H17	07 ngày kể từ ngày nhận	Địa điểm tiếp nhận	Theo quy định của Bộ Tài	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ	Sở Khoa học và	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ		được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	chính	sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó	Công nghệ		

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						khẩn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.			
46	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2.002780. H17	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 2 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
47	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số	2.002790. H17	22 ngày kể từ ngày nhận	<i>Địa điểm tiếp nhận</i>	Theo quy định của Bộ Tài	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ	Sở Khoa học và	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ		được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	chính	sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 1 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	Công nghệ		
48	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	1.013935. H17	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành	Không có	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				chính công thành phố Đà Nẵng		của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
49	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	1.011891. H17	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
50	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	2.002791. H17	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
51	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	2.002792. H17	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục	Không có	- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
IV	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (22 TTHC)								
52	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013916. H17	20 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đ - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					200.000 đ				
53	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013919. H17	20 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đ - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 200.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
54	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013922. H17	- 30 ngày (Trong trường hợp có quyết định	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung	Chưa có	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022;	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) - 30 ngày (Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề) - 60 ngày (Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu	tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)						
55	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013924. H17	20 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					150.000 đ				
56	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	1.013925. H17	20 ngày	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Chưa có	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
57	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013928. H17	20 ngày	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ - Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000đ	CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.			
58	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013942. H17	20 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí công bố Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000đ	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				thành phố Đà Nẵng	- Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000đ - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ	phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.			
59	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	1.013954. H17	20 ngày	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					- Lệ phí công bố Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đ	độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.			
60	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	1.013955.H17	20 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ - Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.			
61	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	1.013956. H17	20 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.			
62	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	1.013958. H17	20 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
63	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	1.013959. H17	20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực	Không quy định	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm	Sở Khoa học và Công	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				<i>tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	nghệ		
64	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	1.013963. H17	15 ngày	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ - Phí phúc tra kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.			
65	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	1.013966. H17	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Khoản 7 Điều 29 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điều 36 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).			
66	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	1.013968. H17	60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí thẩm định hồ sơ: 230.000 đồng/văn bản - Lệ phí cấp GCN ĐKHHĐ: 120.000 đồng/GCN - Phí đăng bạ: 120.000	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Điều 10 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Khoản 2 Điều 58 của Nghị	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điểm 2.2 Mục A Lệ phí sở hữu công nghiệp; điểm 1.5, 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).			
67	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	1.013970. H17	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí thẩm định hồ sơ: 160.000 đồng/văn bằng - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Điều 42 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					đồng/yêu cầu	- Điều 61 của Nghị định số 65/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điểm 1.6, 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).			
68	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	1.013972. H17	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Điều 37 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						- Khoản 7 Điều 29 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).			
69	Thủ tục ra Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	1.013973. H17	60 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
70	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	1.013974. H17	60 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới
71	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	1.011938. H17	20 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Phí: 250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 05 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 263/2016/TT-BTC.			
72	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	1.011939. H17	03 tháng	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi
73	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	1.011937. H17	01 tháng	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí: 250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				Đà Nẵng		thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; - Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 263/2016/TT-BTC.			
V	LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN (10 TTHC)								
74	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh	1.013951. H17	45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Phí thẩm định cấp giấy phép: + Sử dụng thiết bị phân tích huỳnh quang tia X: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh				+ Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong soi kiểm tra bo mạch: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong kiểm tra an ninh: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/ 1 thiết bị. + Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/ 1 thiết bị. - Việc thực	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo hình thức trực tuyến (trừ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN) kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 được áp dụng mức thu phí bằng 90% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên.				
75	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với	1.013971. H17	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí (nếu có) theo quy	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành	- Phí: Không. - Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ.	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh		định.	chính công thành phố Đà Nẵng		bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Quyết định số 153/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân. - Thông tư số 287/2016/TT-			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.			
76	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	1.013948. H17	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khai báo	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.			
77	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	2.002379. H17	10 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ.	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.			
78	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002380. H17	25 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Phí thẩm định: - Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. - Sử dụng thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. - Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/ 1 thiết bị. - Sử dụng thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					đồng/ 1 thiết bị. - Sử dụng thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/ 1 thiết bị. - Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/ 1 thiết bị. - Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/1 thiết bị. - Tính cho cơ sở từ 2-3 thiết bị: (95 % mức thu quy định) - Tính cho cơ sở từ 4-5 thiết bị: (90% mức	học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					thu quy định) - Tính cho cơ sở từ 6 thiết bị trở lên (85% mức thu quy định)				
79	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002381. H17	25 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Phí thẩm định: Đối với cơ sở gia hạn giấy phép thu 75% mức thu phí thẩm định cấp phép mới - Tính cho cơ sở 1 thiết bị: + Thiết bị X-quang chụp răng: 1.500.000đ + Thiết bị X-quang chụp vú: 1.500.000đ + Thiết bị X-quang di động: 1.500.000đ + Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường:	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thông tư số 02/2022/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					2.250.000đ + Thiết bị X-quang đo mật độ xương: 2.250.000đ + Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 3.750.000đ + Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 6.000.000đ + Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 12.000.000đ - Tính cho cơ sở có từ 2-3 thiết bị lên (95% mức thu quy định) - Tính cho cơ sở có từ 4-5 thiết bị lên (90% mức thu quy định)	năng lượng nguyên tử - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					- Tính cho cơ sở có từ 6 thiết bị trở lên (85% mức thu quy định).				
80	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002382. H17	10 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008 - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						- Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.			
81	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002383. H17	25 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.			
82	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002384. H17	10 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ - Thông tư số 287/2016/TT-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.			
83	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002385. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Năng lượng nguyên tử - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						09/12/2020 của Chính phủ - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.			
VI	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG (27 TTHC)								
84	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	3.000450. H17	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Đo lường năm 2011. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020. - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
85	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	3.000463. H17	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không có	- Luật Đo lường năm 2011; - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Luật Doanh nghiệp năm 2020.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			lệ: 03 ngày làm việc.	Đà Nẵng		- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
86	Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục	3.000452. H17	03 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục	Không có	- Luật Đo lường năm 2011. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm			vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		và Luật Đấu thầu năm 2024. - Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
87	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký	3.000453. H17	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ	Địa điểm tiếp nhận	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006.	Sở Khoa học và	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa		và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	<i>hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)		

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
88	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	3.000451. H17	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
89	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	3.000454. H17	05 ngày làm việc.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
90	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	3.000455. H17	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
91	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	3.000456. H17	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
92	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	3.000457. H17	05 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
93	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	3.000458. H17	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
94	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	3.000460. H17	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
95	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	3.000459. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
96	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	3.000461. H17	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
97	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	3.000462. H17	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.			
98	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	3.000464. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật Đầu tư năm 2020; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024.	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						- Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	nghe)		
99	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	2.001209. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí: 150.000 đồng	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn/công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				thành phố Đà Nẵng		hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn/công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy. - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ.			
100	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	2.001207. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: 150.000 đồng	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn/công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn/công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn,	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy. - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ.			
101	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các	2.001277. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí: 150.000 đồng	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn/công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành			thành phố Đà Nẵng		hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn/công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy. - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ.			
102	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân	2.002253. H17	15 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Thi đua, Khen thưởng; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân. - Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi
103	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử	2.001208. H17	28 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực</i>	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 132/2008/NĐ-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận			<i>tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.	nghệ		

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
104	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	2.001100. H17	25 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi
105	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức	2.001501. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.	Sở Khoa học và	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	đánh giá sự phù hợp			<i>hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.	Công nghệ		
106	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	2.001259. H17	01 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						thi hành một số điều Luật Đo lường. - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ.			
107	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	1.001392. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 13/2022/NĐ-			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định số 86/2012/NDD-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.			
108	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	2.001269. H17	Hàng năm	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá. - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.			
109	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	2.000212. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Đo lường. - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường. - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá. - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.			
110	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	1.000449. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Đo lường. - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường. - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá. - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi
VII	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (58 TTHC)								
111	Chấp thuận chuyển giao công nghệ	1.013918. H17	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	10 (mười) triệu đồng	- Luật Chuyển giao công nghệ số năm 2017. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.			
112	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	1.013927.H17	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
113	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	1.013931. H17	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới
114	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	1.013933. H17	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới
115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	1.013936. H17	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục	Không có	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		Công nghệ. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	<i>lĩnh vực Khoa học và Công nghệ</i>		
116	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	1.013939. H17	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ <i>(đôi với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)</i>	UBND thành phố	Mới
117	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	1.013940. H17	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một	Sở Khoa học và Công nghệ <i>(đôi với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)</i>	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.			
118	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	1.013943. H17	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ)	UBND thành phố	Mới
119	Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	1.013944. H17	10 hoặc 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong trường hợp cần thiết thành lập hội đồng thẩm tra hồ sơ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.			
120	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	1.013938. H17	25 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BKHCN.			
121	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam	1.013941. H17	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung. - Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải có kết quả giải quyết.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	4.000.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.			
122	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài	1.013920. H17	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			hợp lệ phải có kết quả giải quyết.						
123	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài	1.013926. H17	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải có kết quả giải quyết.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
124	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	1.013957. H17	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Công nghệ cao năm 2008. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao. - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.			
125	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	1.013960. H17	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Công nghệ cao năm 2008. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Quyết định số 55/2010/QĐ-	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao. - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						ngành thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BKHCN.			
126	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	1.013961. H17	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Công nghệ cao năm 2008. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.			
127	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức	1.013964. H17	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	- Luật Công nghệ cao năm 2008. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				thành phố Đà Nẵng		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						nghệ cao. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. - Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.			
128	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân	1.013969. H17	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Công nghệ cao năm 2008. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao. - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. - Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.			
129	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	2.002794. H17	35 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Công nghệ cao năm 2008. - Thông tư số 33/2011/TT-BKHCN ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						- Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. - Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.			
130	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao	2.002795. H17	35 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Công nghệ cao năm 2008. - Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về cơ sở ươm tạo công nghệ cao. - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Mới

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. - Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.			
131	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	3.000259. H17	25 ngày	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Thi đua Khen thưởng năm 2022. - Nghị định 18/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi
132	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ	1.008377. H17	* Thời hạn	Địa điểm tiếp nhận	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.	Sở Khoa học và	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ		thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ; * Thời hạn Quyết định tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ: - 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát	<i>hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		- Nghị định 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ. - Nghị định 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.	Công nghệ		

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I); - 45 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II); - 30 ngày kể từ ngày nhận được kết quả						

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III).						
133	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	2.002709. H17	Không quy định	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						nhà nước.			
134	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	2.002710. H17	- Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả họp Hội đồng tuyển chọn, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, thông báo kết quả tuyển chọn.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thông báo kết quả tuyển chọn, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ trúng tuyển có trách nhiệm hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn, báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến kết luận của Hội đồng tuyển chọn và nộp tài liệu quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư số 09/2024/TT-						

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			BKHCN và các tài liệu liên quan khác gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thẩm định kinh phí. - Sau khi nhận được hồ sơ đã hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định kinh phí và ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, ký Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí,						

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn và đăng tải ít nhất 45 ngày trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác.						
135	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ	2.002711. H17	- Sau khi nhận được hồ	<i>Địa điểm tiếp nhận</i>	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.	Sở Khoa học và	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước		sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu của tổ chức chủ trì nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; - Đối với các hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đề tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ bổ sung, hoàn thiện;	<i>hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCHN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.	Công nghệ		

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			- Trong thời gian 15 ngày kể khi nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; - Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ phải thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ						

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			cấp tỉnh; - Trường hợp kết quả nhiệm vụ được đánh giá xếp loại ở mức “Đạt” trở lên: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày họp Hội đồng nghiệm thu, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ lập báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu, hoàn thiện báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm, các tài liệu liên quan theo kết luận của Hội						

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			đồng nghiệm thu và nộp về Sở Khoa học và Công nghệ; - Đối với nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC đối với nhiệm vụ không hoàn thành.						
136	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách	2.002722. H17	Không quy định	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Cơ	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm	Cơ quan, đơn vị cấp cơ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	nhà nước			quan, đơn vị cấp cơ sở		2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.	sở		
137	Thủ tục tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	2.002723. H17	- Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan, đơn vị cấp cơ sở tổ chức mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Cơ quan, đơn vị cấp cơ sở	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.	Cơ quan, đơn vị cấp cơ sở	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			công nghệ cấp cơ sở; - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả tư vấn của Hội đồng tuyển chọn, kết quả thẩm định của Tổ thẩm định kinh phí (nếu có), tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi về cơ quan, đơn vị cấp cơ sở; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, thủ trưởng cơ quan, đơn vị						

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			cấp cơ sở quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định về tổ chức và hoạt động của mình.						
138	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	2.002724. H17	- Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Cơ quan, đơn vị cấp cơ sở	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.	Cơ quan, đơn vị cấp cơ sở	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			cấp cơ sở phải gửi đến cơ quan, đơn vị cấp cơ sở trong hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm cả thời gian gia hạn thực hiện nhiệm vụ (nếu có); - Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu của tổ chức chủ trì nhiệm vụ cơ quan, đơn vị cấp cơ sở tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;			- Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá “Đạt” trở lên: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họp Hội đồng nghiệm thu, chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng, lấy ý kiến của Chủ tịch Hội đồng về việc hoàn thiện hồ sơ và gửi về cơ quan, đơn vị cấp cơ sở; - Đối với						

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”: cơ quan, đơn vị cấp cơ sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành xử lý theo quy định về xử lý đối với nhiệm vụ không hoàn thành tại Điều 16 và Điều 17 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC.						
139	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích	2.000079. H17	45 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người			thành phố Đà Nẵng		và công nghệ; - Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.			
140	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	2.002144. H17	45 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ. - Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi
141	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp	2.002248. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung	Phí: 5.000.000 đồng đến 10.000.000	- Luật chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)			tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	đồng. Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.			
142	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ	2.002249. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục	Phí: 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Đối với	- Luật chuyển giao công nghệ năm 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)			vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.			
143	Thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	2.002544. H17	15 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành	Không có	- Luật đầu tư năm 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				chính công thành phố Đà Nẵng		- Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.			
144	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	2.002546. H17	10 ngày làm việc. Đối với trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm: 15 ngày làm việc.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật đầu tư năm 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi
145	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	2.002548. H17	05 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không có	- Luật đầu tư năm 2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				Đà Nẵng		2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyên giao.			
146	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	1.012353. H17	23 ngày làm việc Đối với dự án có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 20 ngày	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Đầu tư năm 2020. - Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi
147	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ	1.011818. H17	05 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ. - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương					học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.			
148	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	1.011820. H17	05 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		động thông tin khoa học và công nghệ; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
149	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.011819. H17	05 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.			
150	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	1.001786. H17	15 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: 3.000.000đ	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học công nghệ - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						nghệ - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7/ năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.			
151	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001770.H17	10 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Phí: 1.000.000đ	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học công nghệ - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.			
152	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001747. H17	10 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: - 1.000.000 đồng Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức KH&CN. - 1.000.000 đồng Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&CN. - 1.000.000 đồng Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức KH&CN. - 1.500.000 đồng Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức KH&CN.	chức khoa học công nghệ - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					- 1.500.000 đồng Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong hợp đồng đăng ký thay đổi vốn của tổ chức KH&CN. - 2.000.000 đồng Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong hợp đồng đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&CN của tổ chức KH&CN.				
153	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001716. H17	15 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí: 3.000.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				Đà Nẵng		- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học công nghệ năm 2013. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.			
154	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện,	1.001693. H17	10 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-	Sở Khoa học và Công	Sở Khoa học và Công	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ			<i>tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học công nghệ - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-	nghệ	nghệ	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						BKHCN.			
155	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001677. H17	10 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Lệ phí: - 1.500.000 đồng Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh. - 1.000.000 đồng Đối với trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh. - 1.000.000 đồng Đối với trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học công nghệ - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					nhánh. - 1.000.000 đồng Đối với trường hợp đăng ký thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh - 2.000.000 đồng Đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh.	2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.			
156	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học	1.011814. H17	25 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực	Không có	- Luật chuyển giao công nghệ năm 2017. - Nghị định 76/2018/NĐ-CP	Sở Khoa học và Công	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu			<i>tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	nghệ		
157	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	1.011815. H17	25 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật chuyển giao công nghệ năm 2017. - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.			
158	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	1.011816. H17	25 ngày làm việc, cụ thể: - Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc.	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật chuyển giao công nghệ năm 017. - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			- Văn bản thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.						
159	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	2.001643. H17	15 ngày làm việc	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật khoa học và công nghệ năm 2013. - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 06/2023/TT-BKHCHN ngày 25 tháng 5 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.			
160	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	1.006427. H17	- Trường hợp đặc cách: 05 ngày - Trường hợp không phải là đặc cách: 45 ngày	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ. - Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi
161	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	2.001179. H17	10 ngày	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016. - Quyết định 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	nghệ			thành phố Đà Nẵng		trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư. - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu. - Thông tư 14/2017/TT-BKHCN ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí xác định phương tiện vận tải; máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng và danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.			
162	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	2.002278. H17	10 ngày làm việc Trường hợp kết quả KHCN có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau có nội dung phức tạp cần mời chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, đánh giá, thời hạn không quá 15 ngày làm việc.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi
163	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	2.001525. H17	05 ngày làm việc Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả KHCN,	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	thành phố Đà Nẵng					
164	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1.011812. H17	25 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật chuyển giao công nghệ năm 2017. - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi
165	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi	1.008379. H17	- Thời hạn thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách: Trong	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Chủ tịch UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác		thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ. - Thời hạn Quyết định bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ: + Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ	vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ. - Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (chức danh hạng I); + Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II); + Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét						

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III).						
166	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	2.001143. H17	- Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			trên công thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.						
167	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	2.001137. H17	- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên công thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.			ngân sách nhà nước.			
168	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	1.002690. H17	- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.	<i>Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không có	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố	Sửa đổi

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.			nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.			

Phụ lục II
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN
LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*(Kèm theo Quyết định số 2002/QĐ -UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (11 TTHC)		
1	1.010141 (TTHC đặc thù)	Hỗ trợ kinh phí tham gia cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế	
2	1.010142 (TTHC đặc thù)	Hỗ trợ kinh phí cho sinh viên/nhóm sinh viên nghiên cứu, hoàn thiện đề tài lọt vào vòng chung kết Cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố	
3	1.012870 (TTHC đặc thù)	Thủ tục xét hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ	
4	1.012871 (TTHC đặc thù)	Thủ tục xét hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	
5	1.013298 (TTHC đặc thù)	Thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian và dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ trước	
6	1.013299 (TTHC đặc thù)	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo	
7	1.013300 (TTHC đặc thù)	Thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau	
8	1.013301 (TTHC đặc thù)	Thủ tục xác nhận hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	
9	1.013302 (TTHC đặc thù)	Thủ tục cấp phép thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới	
10	1.013303 (TTHC đặc thù)	Thủ tục gia hạn thời gian thử nghiệm	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
11	1.013304 (TTHC đặc thù)	Thủ tục hỗ trợ kinh phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ	
II	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (02 TTHC)		
12	1.010168 (TTHC đặc thù)	Chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật của tác giả là người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến	
13	1.010169 (TTHC đặc thù)	Công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố Đà Nẵng	
III	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET (01 TTHC)		
14	1.008737 (TTHC đặc thù)	Xác nhận thỏa thuận vị trí xây dựng trạm thu phát sóng viễn thông có cột ăng ten không công kênh	
IV	LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ (05 TTHC)		
15	1.008757 (TTHC đặc thù)	Thẩm định đề nghị hỗ trợ theo Nghị quyết số 270/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Quy định chính sách hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	
16	1.013287 (TTHC đặc thù)	Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực có trình độ chuyên môn cao làm việc tại các doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố.	
17	1.013288 (TTHC đặc thù)	Xác nhận là Đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo.	
18	1.013289 (TTHC đặc thù)	Hỗ trợ về tài sản kết cấu hạ tầng thông tin trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo.	
19	1.013290 (TTHC đặc thù)	Xác nhận là doanh nghiệp vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo.	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Hỗ trợ kinh phí tham gia cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế

Trình tự thực hiện	1. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế (sau đây gọi là Cuộc thi), đội thi tham gia Cuộc thi (sau đây gọi là đội thi) thực hiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí tham gia Cuộc thi, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ và hướng dẫn để đội thi hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, thẩm định. + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ: Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ đủ và hợp lệ: Trong vòng 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định hồ sơ, ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: a) Đơn đề nghị hỗ trợ của đội thi (theo mẫu số 01 tại Phụ lục của Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND thành phố quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025). b) Chứng từ thanh quyết toán theo nội dung hỗ trợ gồm kinh phí đi lại, lưu trú và văn bản chứng minh đội thi có dự án tham gia vòng chung kết các cuộc thi về khởi nghiệp đổi

mới sáng tạo trong nước hoặc quốc tế do các Bộ, tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương, tổ chức quốc tế có uy tín tổ chức hoặc văn bản của Sở KH&CN cử làm đại diện cho thành phố tham gia các cuộc thi.

- Đối với đội thi tham gia cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước: Thực hiện theo mục I; khoản 1, khoản 3 mục III; khoản 1 mục IV; tiểu 4 điểm a, tiểu 4 điểm b, tiết 3 tiểu 1 và tiết 3 tiểu 2 điểm c khoản 2 mục IV tại Phụ lục I Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của HĐND thành phố về quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Đối với nội dung phụ cấp lưu trú: Trường hợp đi trong ngày, mức phụ cấp lưu trú là 200.000 đồng/ngày/người.

- Đối với đội thi tham gia cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc tế:

Nội dung chi: Tiền vé các phương tiện đi lại, bao gồm: tiền vé máy bay, vé tàu, vé xe từ Việt Nam đến nước công tác và ngược lại (kể cả vé máy bay, vé tàu xe của chặng đường trong nội địa nước đến công tác); Tiền thuê phương tiện từ nhà đến sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu và ngược lại khi đi công tác nước ngoài về nhà (ở trong nước); Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập cảnh đến nơi ở nước đến công tác và ngược lại khi xuất cảnh; Tiền thuê phòng nghỉ ở nước đến công tác; Tiền ăn và tiêu vật ở nước đến công tác; Lệ phí sân bay trong và ngoài nước (nếu có); Lệ phí thị thực, lệ phí cấp hộ chiếu; Tiền đóng góp tham gia (tham dự) hội nghị, hội thảo (bao gồm cả tiền mua tài liệu nếu có); Tiền bảo hiểm y tế; Tiền cước hành lý, tài liệu mang theo phục vụ cho đợt công tác.

Tiêu chuẩn chi: Theo tiêu chuẩn B tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Định mức chi: Áp dụng theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	20 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đội thi có dự án tham gia vòng chung kết các cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước hoặc quốc tế do các Bộ, tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương, tổ chức quốc tế có uy tín tổ chức hoặc do Sở Khoa học và Công nghệ cử làm đại diện cho thành phố tham gia các cuộc thi.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định của Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ phê duyệt kinh phí hỗ trợ; - Kinh phí hỗ trợ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị hỗ trợ của đội thi (theo mẫu số 01 tại Phụ lục của Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Đội thi có dự án lọt vào vòng chung kết cuộc thi hoặc đội thi được Sở Khoa học và Công nghệ cử làm đại diện cho thành phố tham gia cuộc thi trong nước và quốc tế.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025 - Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí - Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố về quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng.... năm 202...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
Kinh phí tham gia Cuộc thi⁽¹⁾

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

Căn cứ văn bản.... ngày ...tháng ... năm ... của⁽²⁾..... về việc tham gia
 Cuộc thi⁽¹⁾.....⁽³⁾..... đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí là:
⁽⁴⁾..... đồng, cụ thể:

Số TT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Kinh phí của đội thi (đồng)	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)
	Tổng cộng			

Kính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thanh toán vào tài khoản:

1. Tên đơn vị/cá nhân thụ hưởng:

2. Địa chỉ:

3. Số tài khoản:..... Tại ngân hàng:.....

4. Thông tin liên lạc:

Họ và tên:..... số điện thoại:

Email: Địa chỉ liên hệ:

Nơi nhận:

Như trên.

Tổ chức/Cá nhân đề nghị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:*

(1): Tên cuộc thi

(2): Tên cơ quan phê duyệt đội thi tham gia cuộc thi

(3): Tên tổ chức/cá nhân đề nghị

(4): Kinh phí đề nghị hỗ trợ

2. Hỗ trợ kinh phí cho sinh viên/nhóm sinh viên nghiên cứu, hoàn thiện đề tài lọt vào vòng chung kết Cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố

Trình tự thực hiện	1. Sinh viên/nhóm sinh viên thực hiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí hoàn thiện đề tài lọt vào vòng chung kết Cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. Thời gian bắt đầu tiếp nhận hồ sơ kể từ khi có Quyết định phê duyệt danh sách đề tài lọt vào vòng chung kết Cuộc thi; thời gian kết thúc nhận hồ sơ không quá 30 ngày làm việc kể từ khi kết thúc Cuộc thi. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hồ sơ. - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ và hướng dẫn để sinh viên/nhóm sinh viên hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, thẩm định. + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ: Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ đủ và hợp lệ: Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định hồ sơ, ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đề nghị (theo mẫu số 02 tại Phụ lục của Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	20 ngày làm việc

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Sinh viên/nhóm sinh viên có đề tài lọt vào vòng chung kết Cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí hỗ trợ; - Kinh phí hỗ trợ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị (theo mẫu số 02 tại Phụ lục của Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Đề tài được Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt lọt vào vòng chung kết Cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng.... năm 202...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

**Kinh phí nghiên cứu, hoàn thiện đề tài lọt vào vòng chung kết
Cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-SKHCN ngày ...tháng ... năm 202... của Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh sách đề tài lọt vào vòng chung kết Cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố năm¹....., ².... - là tác giả của đề tài ³....thuộc lĩnh vực....⁴, đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí là:..⁵... đồng vào tài khoản như sau:

1. Tên đơn vị/cá nhân thụ hưởng:
2. Chứng minh nhân dân số:..... ngày
cấp.....nơi cấp
3. Địa chỉ:.....
4. Số tài khoản:Tại ngân hàng:.....
5. Thông tin liên lạc:
- Họ và tên:; số điện thoại;
- Email; địa chỉ liên hệ.

Nơi nhận:
Như trên.

Sinh viên/Nhóm sinh viên đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Năm tổ chức Cuộc thi

² Tên sinh viên hoặc đại diện nhóm sinh viên

³ Tên đề tài

⁴ - Lĩnh vực khoa học xã hội; khoa học nhân văn.

- Lĩnh vực khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp.

⁵ Ghi kinh phí đề nghị hỗ trợ

3. Thủ tục xét hồ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ theo quy định nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 03 ngày làm việc. - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ hợp lệ: trong 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định để tiến hành thẩm định hồ sơ và tiến hành kiểm tra thực tế tại đơn vị. - Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 07 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan. Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa không quá 10 ngày làm việc. - Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ Trong 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 ngày làm việc; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do. - Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ Trong 15 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ. - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ
--------------------	---

	kinh phí Trong 15 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu M01). - Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. - Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ kèm theo nội dung báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ (Mẫu M02). - Bản sao chứng thực các giấy tờ: hợp đồng mua thiết bị công nghệ kèm theo; hóa đơn chứng từ có liên quan; chứng thư thẩm định giá thiết bị công nghệ của đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định hiện hành đối với trường hợp mua thiết bị công nghệ; hợp đồng chuyển giao công nghệ (trường hợp có hợp đồng chuyển giao công nghệ) quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND. - Hồ sơ chứng minh chi phí thực hiện nghiên cứu tạo công nghệ; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng. - Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. - Bản sao chứng thực các giấy tờ khác (nếu có): biên bản nghiệm thu, lắp đặt thiết bị; các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm; văn bản công nhận kết quả nghiên cứu của cơ quan có thẩm quyền và các hồ sơ khác có liên quan đến các điều kiện được ưu tiên.

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu đơn đề nghị hỗ trợ (Phụ lục I - Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND). Mẫu Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ (Phụ lục II - Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ kinh phí thực hiện đổi mới công nghệ phải đảm bảo các điều kiện sau: - Nội dung đề nghị hỗ trợ phù hợp với quy định tại Điều 6 Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND. - Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. - Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng tính từ ngày bắt đầu triển khai thực hiện dự án đổi mới công nghệ. b) Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện chuyển giao công nghệ hoặc nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ phải đáp ứng các điều kiện về đổi mới công nghệ tại điểm a khoản 1.10 của thủ tục hành chính này, còn

	phải đảm bảo: - Là chủ sở hữu hoặc có quyền chuyển giao đối với công nghệ được chuyển giao trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện chuyển giao công nghệ. - Có năng lực thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ. c) Điều kiện ưu tiên - Tham gia sản xuất sản phẩm chủ lực của thành phố; sản xuất hàng xuất khẩu, các mặt hàng thuộc các lĩnh vực được thành phố ưu tiên phát triển. - Có trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ. - Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đạt Giải thưởng Chất lượng quốc gia Việt Nam. - Có hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã đề nghị hỗ trợ:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:

4. Fax:

5. E-mail:

6. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

7. Đề nghị xem xét hỗ trợ cho dự án: <Tên dự án>

TT	Lĩnh vực hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ cụ thể/ Mức đề nghị hỗ trợ
1		
2		
.....		

8. Các tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

...

Chúng tôi cam đoan các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật. Kính đề nghị quý Sở quan tâm xem xét.

....., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC/ HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DỰ ÁN ĐỔI MỚI, CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ

A. ĐỐI VỚI DỰ ÁN NGHIÊN CỨU: TẠO CÔNG NGHỆ MỚI; GIẢI MÃ CÔNG NGHỆ; ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ; THIẾT KẾ CHẾ TẠO THIẾT BỊ CÓ HÀM CHỨA CÔNG NGHỆ MỚI, TIÊN TIẾN; CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ; ĐỔI MỚI QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT ĐỂ NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, GIẢM CHI PHÍ, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG, TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Phần đầu

- Trang bìa (Tên tổ chức, tên dự án, tên Chủ nhiệm dự án, Thời gian thực hiện, Địa danh, tháng năm)
- Mục lục
- Danh mục bảng, biểu, hình
- Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ... dùng trong báo cáo

Phần chính

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1.1. Tên dự án:

1.2. Thời gian thực hiện:.....tháng (từ tháng....năm 20.....đến tháng...năm 20....)

1.3. Lĩnh vực khoa học của dự án (Tự nhiên; Nông, lâm, ngư nghiệp; Kỹ thuật và công nghệ; Y dược...)

1.4. Thông tin về đơn vị chủ trì thực hiện dự án

Tên đầy đủ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:.....

Website:

Số tài khoản:

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:

Đại diện pháp lý:Chức vụ:

Báo cáo sơ bộ về tình hình hoạt động của đơn vị:.....

1.5. Thông tin về cá nhân chủ nhiệm dự án

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam / Nữ

Đơn vị công tác:

Chức vụ:.....

Học hàm, Học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Điện thoại:..... Email:

Địa chỉ đơn vị công tác:.....

Địa chỉ nhà riêng:

1.6. Các thành viên tham gia thực hiện dự án

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung, công việc chính tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi ⁶)	Chữ ký
1					
2					
3					

1.7. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....triệu đồng

Nguồn kinh phí:

- Từ vốn của đơn vị:.....triệu đồng

- Từ nguồn khác (ghi rõ nguồn):.....triệu đồng

II. TỔNG QUAN DỰ ÁN

2.1. Căn cứ xây dựng dự án

Căn cứ pháp lý: Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương,...

Căn cứ thực tiễn và tính cấp thiết: Nhu cầu của doanh nghiệp, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết và tính cấp thiết cần xây dựng và triển khai dự án

2.2. Mục tiêu của dự án: Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án

2.3. Tình trạng dự án

☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

2.4. Tổng quan về tình hình nghiên cứu/ thực hiện nội dung tương tự của dự án

⁶ Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

Ngoài nước: Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của dự án; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó.

Trong nước: Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của dự án, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến dự án mà các cán bộ tham gia dự án đã thực hiện. Nếu có các đề tài, dự án cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến dự án này.

III. NỘI DUNG DỰ ÁN

Cần mô tả chi tiết các nội dung và các hạng mục công việc cụ thể đã thực hiện để đạt được mục tiêu của dự án và làm nổi bật được các nội dung:

3.1. Đánh giá kết quả triển khai đổi mới công nghệ

3.2. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng để giải mã/ươm tạo/thiết kế chế tạo áp dụng trong quá trình thực hiện dự án

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của dự án; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của dự án)

Cách tiếp cận:.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:.....

Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:

3.3. Đánh giá công nghệ: có thuộc danh mục công nghệ cao, danh mục công nghệ khuyến khích chuyên giao; trình độ công nghệ; công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch. Làm rõ ưu/nhược điểm của công nghệ/thiết bị công nghệ so với các sản phẩm cùng loại.

3.4. Quy trình thực hiện nghiên cứu công nghệ/giải mã công nghệ/ươm tạo công nghệ/thiết kế chế tạo thiết bị công nghệ

3.5. Đặc tính kỹ thuật của công nghệ/thiết bị công nghệ

3.6. Hướng dẫn vận hành/sử dụng công nghệ/thiết bị công nghệ

3.7. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

+ Trình bày các nội dung nghiên cứu đã được thực hiện, những hạng mục chủ yếu đã được tiến hành.

+ Trình bày đầy đủ quá trình hoàn thiện công nghệ hoặc thích nghi/làm chủ/hợp lý hoá công nghệ và (hoặc) thử nghiệm đã tiến hành (nếu có).

+ Trình bày các kết quả nghiên cứu.

+ Phân tích, đánh giá kết quả thu được (về tính chính xác, độ tin cậy, ý nghĩa các kết quả), so sánh, biện luận trên cơ sở các dẫn liệu khoa học, đối chiếu với các nghiên cứu khác đã có để chứng minh luận cứ và khả năng áp dụng. Đưa ra được kết luận theo từng nội dung.

+ Tổng quát hóa và đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả thu được của nhiệm vụ.

+ Luận giải rõ những hạng mục/nội dung do chủ dự án tự nghiên cứu/thực hiện; hạng mục/nội dung kế thừa các nghiên cứu/thực hiện đã có hoặc thuê chuyên gia tư vấn/đơn vị khác thực hiện ...

IV. SẢN PHẨM, KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN

4.1. Sản phẩm của dự án đạt được

4.2. Tính khả thi của dự án, khả năng ứng dụng, triển khai sản phẩm, kết quả dự án vào thực tế

4.3. Tình hình thương mại hoá sản phẩm

4.3. Đối tượng có khả năng tham gia, thụ hưởng, ứng dụng sản phẩm/kết quả của dự án

V. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

5.1. Hiệu quả kinh tế của dự án mang lại cho chủ dự án, các đối tượng kinh tế - xã hội khác, nguồn thu ngân sách,.....

5.2. Hiệu quả về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng của dự án

5.3. Hiệu quả về xã hội

VI. KHẢ NĂNG KHẮC PHỤC CÁC NHƯỢC ĐIỂM/TỒN TẠI, HƯỚNG PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

6.1 Tóm tắt các nhược điểm/tồn tại của sản phẩm từ kết quả nghiên cứu qua quá trình triển khai áp dụng thực tế

6.2. Phương án khắc phục các nhược điểm/tồn tại của sản phẩm từ kết quả nghiên cứu trong thời gian tới

6.3. Phương hướng phát triển dự án

VII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

STT	Công việc thực hiện các nội dung dự án	Mục tiêu/kết quả/sản phẩm	Thời gian (bắt đầu và kết thúc)
1	<i>Nội dung 1</i>		
	- Công việc 1		
	- Công việc 2		
2	<i>Nội dung 2</i>		
	- Công việc 1		
	- Công việc 2		

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Tổng số kinh phí	Trong đó:				
			Chi phí nghiên cứu/giải mã/ươm tạo/thiết kế chế tạo			Máy móc, thiết bị	Nguyên vật liệu, năng lượng
			Chi phí lao động trực tiếp	Thuê khoán chuyên môn	Chi quản lý dự án và chi khác		

Trong đó:

Khoản 1. Công lao động trực tiếp

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung công việc	Chức danh nghiên cứu	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của Chủ nhiệm	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ	Nguồn vốn			Ghi chú
								Ngân sách	Tự có	Khác	

Khoản 2. Chi tiết khoản nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
Tổng:						

Khoản 3. Chi tiết khoản máy móc, thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
Tổng:						

Khoản 4. Chi khác*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
Tổng:						

IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**9.1. Kết luận****9.2. Kiến nghị****Phần cuối****Tài liệu tham khảo**

Các phụ lục liên quan (Hoá đơn chứng từ mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu; Hợp đồng mua bán công nghệ, sản phẩm là kết quả của dự án; các bảng biểu; kết quả phân tích, kiểm nghiệm; các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho báo cáo)

B. ĐỐI VỚI DỰ ÁN MUA THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ**Phần đầu**

- Trang bìa (Tên tổ chức, tên dự án, Thời gian thực hiện, Địa danh, tháng năm)
- Mục lục
- Danh mục bảng, biểu, hình
- Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ... dùng trong báo cáo

Phần chính**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN****1.1. Tên dự án:****1.2. Loại hình:** Mua thiết bị công nghệ/ Mua thiết bị công nghệ có kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ.**1.3. Thời gian thực hiện:**.....tháng (từ tháng.....năm 20.....đến tháng...năm 20....)**1.4. Thông tin về đơn vị chủ trì thực hiện dự án**

Tên đầy đủ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:.....

Website:

Số tài khoản:

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:

Đại diện pháp lý:Chức vụ:

Số tài khoản:

II. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

2.1. Lịch sử hình thành

2.2. Số lượng cán bộ công nhân viên

2.3. Các sản phẩm chính và quy mô sản xuất

2.4. Tình hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh, thị trường cung cấp nguyên vật liệu, thị trường xuất khẩu...

2.5. Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh, nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, các vấn đề về bảo vệ môi trường,...

2.6. Danh hiệu thi đua, khen thưởng

2.7. Chính sách đối với người lao động

Chế độ BHXH, BHYT, BHTN, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi...

III. NỘI DUNG DỰ ÁN

3.1. Căn cứ xây dựng dự án

Căn cứ pháp lý: Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương,...

Căn cứ thực tiễn và tính cấp thiết: Nhu cầu của doanh nghiệp, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết và tính cấp thiết cần xây dựng và triển khai dự án.

3.2. Sự cần thiết đầu tư thiết bị công nghệ mới

Mô tả tình hình ứng dụng/sử dụng các thiết bị công nghệ ở trong và ngoài nước cùng lĩnh vực của dự án.

Mô tả sự cần thiết đầu tư thiết bị công nghệ mới của dự án.

3.3. Mục tiêu của dự án: Mục tiêu chung, cụ thể của dự án

3.4. Tình hình sử dụng thiết bị công nghệ của đơn vị trước khi đổi mới thiết bị công nghệ mới

3.5. Nội dung của dự án: Mô tả chi tiết các nội dung và các hạng mục công việc cụ thể phải thực hiện để đạt được mục tiêu của dự án và làm nổi bật được các nội dung thể hiện thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng,

giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao.

- Mô tả hệ thống và các bộ phận chính của máy móc, thiết bị.
- Đặc tính và thông số kỹ thuật của thiết bị công nghệ.
- Thuyết minh quy trình công nghệ.
- Hướng dẫn vận hành/sử dụng thiết bị công nghệ.
- Làm rõ tính mới, ưu/nhược điểm của thiết bị công nghệ, so sánh với các sản phẩm cùng loại.
- Tính phù hợp của thiết bị công nghệ với hoạt động của đơn vị, phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành.
- Phân tích minh chứng sự thay đổi về tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sau khi đầu tư dự án.

3.6. Quy trình vận hành, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp

3.7. Hiệu quả đầu tư của dự án

- So sánh chi phí đầu tư, thông số kỹ thuật, năng suất, chất lượng với các loại thiết bị tương tự.
- Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án mang lại cho: chủ dự án, các đối tượng kinh tế - xã hội khác, nguồn thu ngân sách,..... (có số liệu minh chứng)
- Hiệu quả về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng của dự án,...
- Hiệu quả về xã hội: tạo công ăn việc làm, an sinh xã hội,...

3.8. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Công việc thực hiện các nội dung dự án	Mục tiêu/kết quả/sản phẩm	Thời gian (bắt đầu và kết thúc)

3.9. Kinh phí thực hiện dự án

- Tổng mức kinh phí thực hiện Dự án.
- Nguồn kinh phí thực hiện:
 - + Nguồn tự chủ:.....
 - + Nguồn khác:.....

3.10. Kết luận và Kiến nghị:

- Kết luận
- Kiến nghị

Phần cuối

Tài liệu tham khảo

Các phụ lục liên quan (Hoá đơn chứng từ mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu; Hợp đồng mua bán thiết bị, công nghệ; các bảng biểu; kết quả phân tích, kiểm nghiệm; các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho báo cáo).

4. Thủ tục xét hồ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ theo quy định, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 03 ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ. 3. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Hồ sơ đủ và hợp lệ, trong 20 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập và tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 ngày làm việc; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do. 4. Trong 07 ngày làm việc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị (Mẫu M01). - Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. - Bản sao chứng thực Quyết định và Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; bản sao chứng thực Quyết định

	và Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn. - Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu đơn đề nghị hỗ trợ (Phụ lục I - Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phải đảm bảo các điều kiện sau: - Nội dung đề nghị hỗ trợ phù hợp với quy định tại Điều 7 Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND. - Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. - Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng tính từ ngày bắt đầu triển khai thực hiện hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
Căn cứ pháp lý	Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của

của thủ tục hành chính	Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
---------------------------	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã đề nghị hỗ trợ:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:

4. Fax:

5. E-mail:

6. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

7. Đề nghị xem xét hỗ trợ cho dự án: <Tên dự án>

TT	Lĩnh vực hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ cụ thể/ Mức đề nghị hỗ trợ
1		
2		
.....		

8. Các tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

...

Chúng tôi cam đoan các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật. Kính đề nghị quý Sở quan tâm xem xét.

....., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC/ HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

5. Thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian và dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ trước

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND thành phố Đà Nẵng đăng ký tham gia các chương trình tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian. Tổ chức trung gian tổ chức tuyển chọn các dự án khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc. Tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo hoàn thiện hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo; nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 3. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ Trong 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng, trong 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị tổ chức trung gian/doanh nghiệp bổ sung, làm rõ thêm nội dung đề xuất và các hồ sơ liên quan (nếu có). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 15 ngày làm việc. Trường hợp không hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ cho tổ chức, doanh nghiệp. 4. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định kinh phí Trong 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được thuyết minh nhiệm vụ hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định kinh phí hỗ trợ. 5. Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định phê
---------------------------	--

	duyet đơn vị chủ trì và kinh phí hỗ trợ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định phê duyệt đơn vị chủ trì và kinh phí hỗ trợ, ký kết Hợp đồng hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND); - Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức trung gian, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản chính thuyết minh nhiệm vụ theo Mẫu 02.TMNV-TCTG (đối với tổ chức trung gian), Mẫu 03.TMNV-DN (đối với doanh nghiệp) theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND; - Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND thành phố); - Mẫu thuyết minh nhiệm vụ (theo Mẫu 02.TMNV-TCTG (đối với tổ chức trung gian), Mẫu 03.TMNV-DN (đối với doanh nghiệp) theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND thành phố).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng điều kiện: Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề xuất hỗ trợ của dự án. - Đối với doanh nghiệp và tổ chức trung gian phải đảm bảo điều kiện tại khoản 1 Điều 5 và chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động. - Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. - Doanh nghiệp phải đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ.....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức trung gian/doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ:
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:
4. Fax:
5. E-mail:
6. Người đại diện theo pháp luật:
Họ và tên:.....
Chức vụ:.....
7. Mã số doanh nghiệp:.....
8. Đề nghị xem xét hỗ trợ:

9. Các tài liệu kèm theo:

- (1).....
- (2).....

Chúng tôi cam kết các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật và chưa nhận được sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nội dung đề xuất hỗ trợ.

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu:

....., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

TỔ CHỨC TRUNG GIAN/DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ
PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN TIỀN
ƯƠM TẠO/ƯƠM TẠO/TĂNG TỐC NĂM
(Dành cho tổ chức trung gian đề xuất nhiệm vụ)

1. Tên nhiệm vụ
2. Thông tin về tổ chức thực hiện nhiệm vụ
2.1. Tổ chức chủ trì (đồng thời là tổ chức đứng đầu liên danh, nếu có)
2.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở
2.1.2. Lãnh đạo của tổ chức <i>(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)</i>
2.1.3. Năng lực của người đứng đầu tổ chức chủ trì (đồng thời là người đứng đầu liên danh, nếu có)
2.1.4. Chủ nhiệm nhiệm vụ <i>(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)</i>
2.1.5. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tổ

chức

.....

.....

2.2. Tổ chức tham gia liên danh thứ nhất (nếu có)

2.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở

.....

.....

2.2.2. Lãnh đạo của tổ chức

(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)

.....

.....

2.2.3. Các thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ

(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)

.....

.....

2.2.4. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tổ chức

.....

.....

2.3. Tổ chức tham gia liên danh thứ hai (nếu có)

2.3.1. Tên, địa chỉ trụ sở

.....

.....

2.3.2. Lãnh đạo của tổ chức

(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)

2.3.3. Các thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ

(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)

.....

.....

.....

2.3.4. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tổ chức

.....

.....

3. Mô tả ngắn gọn về nhiệm vụ

(mục tiêu và nội dung hoạt động chính của nhiệm vụ đề xuất thực hiện)

.....

.....

.....

4. Nguồn nhân lực và tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ

(Tóm tắt năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên của tổ chức, mạng lưới chuyên gia tham gia thực hiện nội dung chính của nhiệm vụ; kết quả, giải thưởng, danh hiệu liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã đạt được; nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật được phép khai thác, sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, kèm theo tài liệu chứng minh)

.....

.....

.....

.....

5. Tổng quan nhu cầu thực tiễn

(Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức về thực trạng năng lực, nhu cầu của các chủ thể liên quan trong hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khả năng đáp ứng nhu cầu đó)

.....

.....

.....

.....

6. Giải pháp

(Phân tích giải pháp đề xuất trên cơ sở phân tích tổng quan nhu cầu thực tiễn; nêu rõ điểm mới trong cách tiếp cận, biện pháp, cách thức triển khai, điều kiện đảm bảo tính khả thi của giải pháp)

.....

.....

7. Vai trò của tổ chức tham gia liên danh (nếu có)

(Nêu rõ những hoạt động chính do tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh thực hiện trong triển khai nhiệm vụ; vai trò điều phối, trách nhiệm của tổ chức chủ trì và người đứng đầu liên danh; phương án phân công, phối hợp, giám sát, kiểm tra hoạt động và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức tham gia liên danh)

8. Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ

(Nêu nội dung hoạt động chính và số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 5, Nghị quyết số/2024/NQ-HĐND thành phố Đà Nẵng)

8.1. Nội dung triển khai chính	8.2. Hoạt động	8.3. Giải thích
Nội dung 1	Hoạt động 1	
	Hoạt động 2	
	Hoạt động 3...	

8.4. Thời gian và tiến độ thực hiện nhiệm vụ

Nội dung, hoạt động	Kết quả phải đạt/Sản phẩm thu được	Thời gian thực hiện (Tháng thứ...)	Đơn vị thực hiện (đối với liên danh)
Nội dung 1:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 2:			
Hoạt động 1:			

Hoạt động 2:			
Nội dung 3:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			

8.5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ

(Phục vụ đánh giá nghiệm thu)

Nêu rõ số lượng dự án được hỗ trợ theo các giai đoạn (tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc).

8.6. Sản phẩm

(Phục vụ đánh giá nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, ví dụ: khung chương trình ươm tạo, tài liệu đào tạo, báo cáo của các chuyên gia cố vấn, đồng hành với các dự án; báo cáo tình hình phát triển của dự án về quá trình tham gia ươm tạo, ...)

9. Tính bền vững của quá trình thực hiện nhiệm vụ

(Phân tích các yếu tố rủi ro chủ quan và khách quan, biện pháp kiểm soát rủi ro; phương án nhân rộng mô hình, chuyển giao, khai thác sản phẩm/kết quả thực hiện nhiệm vụ)

.....

.....

10. Hiệu quả mang lại và sự kết nối, hợp tác với các chủ thể khác trong hệ sinh thái

(Tác động và hiệu quả về mặt kinh tế xã hội, khoa học và công nghệ; mối liên kết và hoạt động hợp tác với chủ thể khác ở trong và ngoài nước)

.....

.....

11. Quá trình tham gia các dự án hỗ trợ khác

(Nêu rõ những dự án, chương trình, đề án được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước ở trung ương và địa phương, dự án tài trợ quốc tế mà tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh đã, đang thực hiện hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký tham gia)

12. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ

.....

.....

12.1. Kinh phí đối ứng của tổ chức thực hiện nhiệm vụ

(Nêu rõ kinh phí đối ứng của tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh, kèm theo tài liệu chứng minh tài chính)

.....
12.2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
.....
12.3. Kinh phí huy động từ các nguồn khác
(Nêu cụ thể nguồn kinh phí dự kiến huy động)
.....
.....

Ngày.....tháng năm 20...

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ
(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20...

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20...

TỔ CHỨC THAM GIA LIÊN DANH
(NẾU CÓ)
(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 20....

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Họ tên, chữ ký)

[illegible]

1. Công lao động (khoa học, phổ thông, thuê chuyên gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo)

Nguồn vốn

[illegible]

2. Chi khác

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

**THUYẾT MINH NHIỆM VỤ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI
NGHIỆP SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NĂM**

.....
(dành cho doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo)

1. Tên nhiệm vụ

.....
.....
.....

2. Thông tin về tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ

2.1 Tên, địa chỉ trụ sở của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ

.....
.....

2.2 . Thời gian hoạt động (Ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu)

.....

2.3 Vốn điều lệ:

2.4 Thành viên sáng lập, Ban lãnh đạo

(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)

.....
.....

2.5 Hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ

.....
.....
.....

2.6 Thông tin về (các) tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ

(Họ và tên, địa chỉ trụ sở của cá nhân, tổ chức và người đứng đầu tổ chức; tóm tắt hoạt động của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ)

.....

3. Mô tả ngắn gọn về nhiệm vụ đề nghị hỗ trợ

(Mục tiêu và nội dung hoạt động chính)

4. Năng lực thực hiện nhiệm vụ

4.1. Năng lực về nhân sự

(Năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của sáng lập viên, ban điều hành, đội ngũ cán bộ/nhân viên của doanh nghiệp; chuyên gia cố vấn, đối tác chính ở trong nước, nước ngoài)

4.2. Năng lực về tài chính và công nghệ

(Vốn cố định, vốn lưu động, giá trị tài sản trí tuệ, giá trị công nghệ, giá trị doanh nghiệp do doanh nghiệp tự đánh giá hoặc do tổ chức khác đánh giá, giá trị giao dịch gọi vốn/thoái vốn đã thực hiện, kết quả hoạt động, giải thưởng, danh hiệu liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, đóng góp phát triển cộng đồng đã đạt được)

5. Tổng quan nhu cầu thị trường

(Phân tích thực trạng, dự báo nhu cầu của thị trường mục tiêu ở phạm vi quốc gia và quốc tế; cơ hội và thách thức trong giải quyết vấn đề của thị trường)

6. Giải pháp

(Phân tích cách thức giải quyết vấn đề liên quan đến thị trường mục tiêu, nhu cầu khách hàng, sản phẩm/dịch vụ cạnh tranh, biện pháp đối phó với đối thủ cạnh tranh và dự báo xu hướng thay đổi của thị trường ở phạm vi quốc gia và quốc tế)

7. Sản phẩm/dịch vụ, mô hình kinh doanh

(Tính mới, khả thi và giá trị khác biệt của sản phẩm/dịch vụ; tính sáng tạo, khả năng nhân rộng của mô hình kinh doanh; giải pháp công nghệ, tài sản trí tuệ được khai thác sử dụng; thị trường, khách hàng mục tiêu; kênh phân phối chính; tốc độ tăng trưởng quy mô thị trường; số lượng khách hàng/người dùng, khối lượng sản phẩm/dịch vụ tiêu thụ; mức tăng trưởng doanh thu)

8. Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ

(Nêu nội dung hoạt động chính và số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 6, Nghị quyết số/2024/NQ-HĐND thành phố Đà Nẵng)

Ví dụ:

Nội dung 1: Hỗ trợ công lao động trực tiếp

Hoạt động 1: Nghiên cứu, đánh giá phân tích nhu cầu khách hàng

Hoạt động 2: Thiết kế mô hình sản phẩm, dịch vụ,

Nội dung 2: hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

Hoạt động 1: Thuê chuyên gia trong nước

Hoạt động 2: Thuê chuyên gia quốc tế

Nội dung 3: Hỗ trợ chi phí sử dụng dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Hoạt động 1:

....

8.1. Nội dung triển khai	8.2. Hoạt động	8.3. Căn cứ đề xuất
Nội dung 1	Hoạt động 1	
	Hoạt động 2	
	Hoạt động 3...	

8.4. Thời gian và tiến độ thực hiện nhiệm vụ

Nội dung, hoạt động	Kết quả phải đạt/Sản phẩm thu được	Thời gian thực hiện (Tháng thứ...)	Đơn vị thực hiện
Nội dung 1:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 2:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 3:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			

8.5. Sản phẩm

(Phục vụ đánh giá nghiệm thu, thanh lý hợp đồng)

.....

.....

.....

9. Khả năng kiểm soát rủi ro, tính bền vững của nhiệm vụ

(Phân tích các yếu tố rủi ro chủ quan và khách quan, biện pháp kiểm soát rủi ro; phương hướng phát triển sản phẩm/dịch vụ mới và nhân rộng mô hình kinh doanh ở thị trường trong nước và nước ngoài qua đó thể hiện tính bền vững về tài chính)

.....

.....

.....

10. Sự cần thiết hỗ trợ của Nhà nước đối với nhiệm vụ

(Tóm tắt phương án, mục tiêu, lộ trình phát triển về quy mô thị trường và sự cần thiết

hỗ trợ từ Nhà nước; dự tính giá trị lợi ích tạo ra đối với các đối tượng thụ hưởng sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới; tác động về kinh tế xã hội, văn hóa, môi trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo từ phát triển sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới của tổ chức chủ trì và tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ)

11. Quá trình tham gia các dự án hỗ trợ khác

(Nêu rõ những dự án, chương trình, đề án được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước ở trung ương và địa phương, dự án tài trợ quốc tế, dự án vay tín dụng mà tổ chức chủ trì, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đã, đang thực hiện hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký tham gia)

12. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ

12.1 Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp

(Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh tài chính)

12.2 Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

12.3 Kinh phí huy động từ các nguồn khác (*Nêu cụ thể nguồn kinh phí dự kiến huy động*)

.....

.....

.....

Ngày.....tháng năm 20...

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

(*Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu*)

Ngày.....tháng năm 20...

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(*Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu*)

Ngày.....tháng.....năm 20...

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

(*Họ tên, chữ ký*)

[illegible]

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI KÈM THEO THUYẾT MINH NHIỆM VỤ

1. Công lao động (khoa học, phổ thông, thuê chuyên gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

2. Chi khác

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

6. Thủ tục đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

Trình tự thực hiện	1. Trước thời điểm kết thúc hợp đồng, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. - Trong trường hợp bất khả kháng không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi hồ sơ đề nghị dừng triển khai nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. 3. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện. Quy định về việc thành lập Hội đồng tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND . Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được đánh giá đạt yêu cầu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến góp ý của Hội đồng (nếu có). Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu xếp loại không đạt yêu cầu hoặc nhiệm vụ dừng thực hiện. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu tiến hành xác định nguyên nhân dẫn đến việc nhiệm vụ không hoàn thành hoặc dừng thực hiện. 4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính;

	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Bản chính văn bản đề nghị đánh giá, nghiệm thu/dừng thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 05.ĐNNT tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND thành phố); - Bản chính báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 06.BCKQ tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND thành phố); - Bản chính báo cáo quyết toán tình hình sử dụng kinh phí; - Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến các sản phẩm trung gian theo thuyết minh nhiệm vụ và hợp đồng hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đã ký kết (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc văn bản thông báo kết quả triển khai nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu văn bản đề nghị đánh giá, nghiệm thu/dừng thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 05.ĐNNT tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND thành phố). - Mẫu báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 06.BCKQ tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND thành phố).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục	- Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng điều kiện: Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất

hành chính (nếu có)	kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề xuất hỗ trợ của dự án. - Đối với doanh nghiệp và tổ chức trung gian phải đảm bảo điều kiện tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND và chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động. - Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. - Doanh nghiệp phải đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Mẫu 05.ĐNNT

TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...

V/v đề nghị đánh giá, nghiệm
thu nhiệm vụ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ⁷ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo sau đây:

Tên nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì:

Tổ chức tham gia thực hiện (nếu có):

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Hợp đồng số⁸:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ, gồm:

1. Bản chính Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
2. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ
3. Kết quả, sản phẩm thực hiện nhiệm vụ
4. Biên bản kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ (nếu có)
5. Các tài liệu khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ gồm:

01 bộ (bản gốc) đầy đủ tài liệu kể trên;

01 bản điện tử về các file báo cáo ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không cài đặt bảo mật).

Thời gian, địa điểm đề nghị tổ chức đánh giá nghiệm thu.....

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

Như trên;

.....

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ tên lãnh đạo, chữ ký và đóng dấu)TỔ CHỨC THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
(Họ tên lãnh đạo, chữ ký và đóng dấu)⁷ Ghi rõ tên nhiệm vụ theo thuyết minh, hợp đồng đã được phê duyệt.⁸ Ghi rõ số hợp đồng đã ký kết

BÁO CÁO KẾT QUẢ NHIỆM VỤ

Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ là tài liệu tổng hợp quá trình thực hiện và kết quả đạt được khi nhiệm vụ đến thời hạn kết thúc để phục vụ đánh giá nghiệm thu. Sau khi được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng đánh giá, báo cáo được dùng để công nhận kết quả nhiệm vụ, thanh lý hợp đồng và lưu trữ theo quy định.

A. BỐ CỤC BÁO CÁO

Bố cục báo cáo bao gồm 3 phần: Phần đầu, phần chính, phần cuối và được trình bày theo thứ tự như sau:

Phần đầu	Trang bìa trước Trang bìa phụ Lời cảm ơn (nếu cần thiết) Mục lục Danh mục bảng, biểu, hình Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ... dùng trong báo cáo
Phần chính	Mở đầu Nội dung chính của báo cáo Kết luận và kiến nghị Kế hoạch triển khai kết quả nhiệm vụ Tài liệu tham khảo
Phần cuối	Phụ lục Bìa sau

I. PHẦN ĐẦU

1. Trang bìa trước

Bao gồm các thông tin sau:

Tên đầy đủ của Đơn vị chủ trì.

Tên nhiệm vụ.

Họ tên chủ nhiệm.

Địa điểm và thời gian hoàn thành báo cáo.

2. Trang bìa phụ (Xem biểu mẫu ở Mục C)

Nội dung và bố cục tương tự như Trang bìa trước, tuy nhiên ở Trang này bổ sung thêm thông tin về Danh sách những người thực hiện chính (viết đầy đủ họ tên và tên cơ quan công tác); Danh sách các đơn vị phối hợp chính (nếu có); Thời gian thực hiện và kinh phí thực hiện (ghi rõ các nguồn kinh phí).

3. Lời cảm ơn (nếu thấy cần thiết)

Trình bày lời cảm ơn của Tác giả/tập thể tác giả đối với tổ chức, cá nhân giúp đỡ trong quá trình nghiên cứu.

4. Mục lục

Mục lục bao gồm danh mục các phần chia nhỏ của báo cáo và các phụ lục cùng với số trang. Ngoài ra, mục lục có thể bao gồm cả danh mục các hình và bảng.

5. Danh mục bảng, biểu, hình

Bao gồm danh mục các bảng, biểu đồ, đồ thị, hình vẽ, hình ảnh sử dụng trong báo cáo cùng với số trang.

6. Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ...

Bao gồm bảng chú giải các từ viết tắt, ký hiệu chữ quy ước, ký hiệu dấu, đơn vị, thuật ngữ... dùng trong báo cáo. Lưu ý, trình bày ký hiệu và từ viết tắt trước (cột thứ nhất), từ đầy đủ sau (cột thứ 2).

II. PHẦN CHÍNH

1. Mở đầu

Phần này được viết thành phần riêng, không đánh số phần hoặc chương.

Giới thiệu vắn tắt về sự hình thành nhiệm vụ, trình bày ngắn gọn mục tiêu, nội dung nhiệm vụ; ý nghĩa của nhiệm vụ; những vấn đề mà nhiệm vụ cần giải quyết.

Tổng quan nhu cầu thị trường (*Phân tích thực trạng, dự báo nhu cầu của thị trường mục tiêu ở phạm vi quốc gia và quốc tế; cơ hội và thách thức trong giải quyết vấn đề của thị trường đối với sản phẩm của nhiệm vụ*).

Giải pháp (*Phân tích cách thức giải quyết vấn đề liên quan đến thị trường mục tiêu, nhu cầu khách hàng, sản phẩm/dịch vụ cạnh tranh, biện pháp đối phó với đối thủ cạnh tranh và dự báo xu hướng thay đổi của thị trường ở phạm vi quốc gia và quốc tế*).

Sản phẩm/dịch vụ, mô hình kinh doanh (*Tính mới, khả thi và giá trị khác biệt của sản phẩm/dịch vụ; tính sáng tạo, khả năng nhân rộng của mô hình kinh doanh; giải pháp công nghệ, tài sản trí tuệ được khai thác sử dụng; thị trường, khách hàng mục tiêu; kênh phân phối chính; tốc độ tăng trưởng quy mô thị trường; số lượng khách hàng/người dùng, khối lượng sản phẩm/dịch vụ tiêu thụ; mức tăng trưởng doanh thu*).

2. Nội dung chính của báo cáo

Nội dung chính của báo cáo được chia thành các phần hoặc các chương có đánh số thứ tự và phải bao quát các vấn đề: lý thuyết, kết quả, bình luận hoặc kiến nghị.

Trong nội dung chính của báo cáo cần trình bày:

Kết quả thực hiện và thảo luận:

- + Trình bày cụ thể các nội dung thực hiện theo hợp đồng.
- + Trình bày, phân tích, đánh giá kết quả đạt được. Đưa ra được kết luận theo từng nội dung.
- + Tổng quát hóa và đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả thu được của nhiệm vụ và so với thuyết minh đề cương.
- + Tập trung mô tả và phân tích đánh giá được sản phẩm chính của nhiệm vụ. Khả năng ứng dụng và phát triển sản phẩm.

(Khối lượng, chất lượng của sản phẩm).

3. Kết luận và kiến nghị: Trình bày thành một phần riêng và không đánh số phần hoặc chương.

Trong phần kết luận trình bày súc tích các kết luận từ những nội dung của nhiệm vụ. Đánh giá kết quả đạt/chưa đạt/... của nhiệm vụ để phát triển sản phẩm của doanh nghiệp, hiệu quả kinh tế xã hội.

4. Kế hoạch triển khai kết quả nhiệm vụ

Trình bày thành một phần riêng và không đánh số phần hoặc chương. Trong phần này trình bày cụ thể kế hoạch để có thể tiếp tục phát triển sản phẩm của Công ty trong thời gian đến.

5. Tài liệu tham khảo

Nguồn tài liệu thường được trình bày theo thứ tự sau đây:

Họ tên tác giả/Nhan đề/Các yếu tố về xuất bản.

Ví dụ:

Đinh Xuân Linh, Thân Đức Nhã. Kỹ thuật trồng, chế biến nấm ăn và nấm dược liệu. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội; 2010.

Hanna JN, McBride WJ, Brookes DL, Shield J, Taylor CT, Smith IL, et al. Hendra virus infection in a veterinarian. Med J Aust. 2006 Nov 20; 185(10):562-64.

Danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trình tự sử dụng hoặc theo thứ tự alphabet trong báo cáo, không phân biệt tiếng Việt, Anh, Pháp... Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Những tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài ít người Việt biết thì ghi thêm phần tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu. Hạn chế dùng luận văn, luận án, thông tin trên internet và sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo.

III. PHẦN CUỐI

1. Phụ lục

Phân phụ lục bao gồm các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho báo cáo.

2. Bìa sau

B. TRÌNH BÀY BÁO CÁO

Báo cáo được đóng thành quyển, đóng bìa cứng; in một mặt trên khổ giấy A4; cỡ chữ 13 hoặc 14; font chữ Times New Roman; dẫn dòng 1,3 lines 1,5 lines, lề trái 3,5 cm, lề phải 2,0 cm, lề trên 2,0 cm và lề dưới 2,0 cm. Số trang được đánh chính giữa, bên dưới.

Đánh số thứ tự: Báo cáo được chia thành Phần hoặc Chương (dùng số La Mã), dưới Phần/ Chương là đến Mục lớn (dùng số La Mã) và các Tiểu mục (dùng số Ả Rập). Các Tiểu mục được đánh số thứ tự nhiều nhất là 04 chữ số.

Ví dụ: 1.2.3.4 chỉ Tiểu mục 4 của nhóm Tiểu mục 3, thuộc Mục II của Chương I.

Không nên đánh lẫn lộn số La Mã và số Ả Rập (Ví dụ: Chương I rồi Mục I.1 hay Tiểu mục I.1.2).

Các bảng, biểu, hình, đồ thị, công thức...: Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị, công thức, phương trình phải gắn với số Phần/Chương.

Ví dụ: Hình 2.4 có nghĩa là hình số 4 trong Chương II.

Thứ tự và đầu đề của bảng, biểu ghi phía trên bảng, biểu. Thứ tự và đầu đề của hình vẽ, đồ thị ghi phía dưới hình vẽ, đồ thị. Thứ tự của công thức, phương trình để trong ngoặc đơn ghi phía bên phải cùng hàng. Cỡ chữ của số thứ tự và đầu đề bằng cỡ chữ sử dụng trong báo cáo. Mọi bảng biểu, hình vẽ, số liệu, nhận định... lấy từ nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ nguồn tài liệu và được liệt kê trong danh mục Tài liệu tham khảo.

Tài liệu tham khảo và trích dẫn:

Trong khi viết báo cáo, nếu nội dung liên quan đến tài liệu tham khảo thì sau nội dung đó phải viết số thứ tự trong danh mục Tài liệu tham khảo trong ngoặc vuông [].

Khi trích dẫn nguyên văn một đoạn ít hơn hai câu hoặc bốn dòng đánh máy thì sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu trích dẫn dài hơn thì tách phần này thành đoạn riêng, với lề trái lùi vào thêm 2 cm và không sử dụng dấu ngoặc kép. Sau đoạn trích dẫn có ngoặc vuông, trong đó ghi số thứ tự dựa vào số thứ tự trong danh mục Tài liệu tham khảo

Trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, nếu cần thiết thì nêu cả số trang, ví dụ: [15, tr.314-315].

Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ: [19], [25], [41], [42].

Đơn vị đo lường: Phải sử dụng đơn vị đo lường hợp pháp của Việt Nam, nếu dùng đơn vị khác thì phải viết cả giá trị chuyển đổi và đặt trong dấu ngoặc đơn ().

Văn phong báo cáo: Câu văn cần giản dị, súc tích, ngắn gọn. Sử dụng từ ngữ rõ ràng, chính xác, tránh làm cho người đọc hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau.

C. BIỂU MẪU TRANG BÌA PHỤ

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NHIỆM VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Tên nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Thành viên tham gia nhiệm vụ:

Thời gian thực hiện: (Ghi theo Hợp đồng)

Kinh phí: (Ghi theo Hợp đồng)

Tổ chức phối hợp nghiên cứu (nếu có):

Đà Nẵng, tháng... năm...

7. Thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. 3: Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ. Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị doanh nghiệp bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan (nếu có). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 10 ngày làm việc. 4. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp bổ sung hoàn thiện hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ. 5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng đánh giá, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Trường hợp doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo đề xuất hỗ trợ theo nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND hoặc tổng hợp nhiều nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND, thành phần hồ sơ bao gồm: + Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐƠN đơn tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-

HĐND);

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Bản chính báo cáo kết quả phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu 06. BCKQ theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND.

- Trường hợp doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo đề xuất hỗ trợ một phần nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND, thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN đơn tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND);

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Bản chính báo cáo kết quả hoạt động thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo và các tài liệu minh chứng kèm theo đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND;

+ Bản chính báo cáo kết quả triển khai hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ và các tài liệu minh chứng kèm theo đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại tiết đầu tiên điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND;

+ Bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại tiết thứ hai điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số

	54/2024/NQ-HĐND; + Bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án khởi nghiệp sáng tạo trong thời gian sử dụng dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND; + Báo cáo kết quả triển khai hoạt động sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc văn bản thông báo kết quả triển khai nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐƠN theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND thành phố). - Mẫu báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 06.BCKQ tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND thành phố).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng điều kiện: Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề xuất hỗ trợ của dự án. - Đối với doanh nghiệp và tổ chức trung gian phải đảm bảo

	điều kiện tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND và chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động. - Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. - Doanh nghiệp phải đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. - Hồ sơ chứng từ có liên quan của dự án phải trong thời gian có hiệu lực của Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND thành phố và trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ.....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức trung gian/doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ:
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:
4. Fax:
5. E-mail:
6. Người đại diện theo pháp luật:
 Họ và tên:.....
 Chức vụ:.....
7. Mã số doanh nghiệp:.....
8. Đề nghị xem xét hỗ trợ:
-
9. Các tài liệu kèm theo:
 (1).....
 (2).....

Chúng tôi cam kết các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật và chưa nhận được sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nội dung đề xuất hỗ trợ.

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu:

....., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

TỔ CHỨC TRUNG GIAN/DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÁO CÁO KẾT QUẢ NHIỆM VỤ

Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ là tài liệu tổng hợp quá trình thực hiện và kết quả đạt được khi nhiệm vụ đến thời hạn kết thúc để phục vụ đánh giá nghiệm thu. Sau khi được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng đánh giá, báo cáo được dùng để công nhận kết quả nhiệm vụ, thanh lý hợp đồng và lưu trữ theo quy định.

A. BỐ CỤC BÁO CÁO

Bố cục báo cáo bao gồm 3 phần: Phần đầu, phần chính, phần cuối và được trình bày theo thứ tự như sau:

Phần đầu	Trang bìa trước Trang bìa phụ Lời cảm ơn (nếu cần thiết) Mục lục Danh mục bảng, biểu, hình Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ... dùng trong báo cáo
Phần chính	Mở đầu Nội dung chính của báo cáo Kết luận và kiến nghị Kế hoạch triển khai kết quả nhiệm vụ Tài liệu tham khảo
Phần cuối	Phụ lục Bìa sau

I. PHẦN ĐẦU

1. Trang bìa trước

Bao gồm các thông tin sau:

Tên đầy đủ của Đơn vị chủ trì.

Tên nhiệm vụ.

Họ tên chủ nhiệm.

Địa điểm và thời gian hoàn thành báo cáo.

2. Trang bìa phụ (Xem biểu mẫu ở Mục C)

Nội dung và bố cục tương tự như Trang bìa trước, tuy nhiên ở Trang này bổ sung thêm thông tin về Danh sách những người thực hiện chính (viết đầy đủ họ tên và tên cơ quan công tác); Danh sách các đơn vị phối hợp chính (nếu có); Thời gian thực hiện và kinh phí thực hiện (ghi rõ các nguồn kinh phí).

3. Lời cảm ơn (nếu thấy cần thiết)

Trình bày lời cảm ơn của Tác giả/tập thể tác giả đối với tổ chức, cá nhân giúp đỡ trong quá trình nghiên cứu.

4. Mục lục

Mục lục bao gồm danh mục các phần chia nhỏ của báo cáo và các phụ lục cùng với số trang. Ngoài ra, mục lục có thể bao gồm cả danh mục các hình và bảng.

5. Danh mục bảng, biểu, hình

Bao gồm danh mục các bảng, biểu đồ, đồ thị, hình vẽ, hình ảnh sử dụng trong báo cáo cùng với số trang.

6. Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ...

Bao gồm bảng chú giải các từ viết tắt, ký hiệu chữ quy ước, ký hiệu dấu, đơn vị, thuật ngữ... dùng trong báo cáo. Lưu ý, trình bày ký hiệu và từ viết tắt trước (cột thứ nhất), từ đầy đủ sau (cột thứ 2).

II. PHẦN CHÍNH

1. Mở đầu

Phần này được viết thành phần riêng, không đánh số phần hoặc chương.

Giới thiệu vắn tắt về sự hình thành nhiệm vụ, trình bày ngắn gọn mục tiêu, nội dung nhiệm vụ; ý nghĩa của nhiệm vụ; những vấn đề mà nhiệm vụ cần giải quyết.

Tổng quan nhu cầu thị trường (*Phân tích thực trạng, dự báo nhu cầu của thị trường mục tiêu ở phạm vi quốc gia và quốc tế; cơ hội và thách thức trong giải quyết vấn đề của thị trường đối với sản phẩm của nhiệm vụ*).

Giải pháp (*Phân tích cách thức giải quyết vấn đề liên quan đến thị trường mục tiêu, nhu cầu khách hàng, sản phẩm/dịch vụ cạnh tranh, biện pháp đối phó với đối thủ cạnh tranh và dự báo xu hướng thay đổi của thị trường ở phạm vi quốc gia và quốc tế*).

Sản phẩm/dịch vụ, mô hình kinh doanh (*Tính mới, khả thi và giá trị khác biệt của sản phẩm/dịch vụ; tính sáng tạo, khả năng nhân rộng của mô hình kinh doanh; giải pháp công nghệ, tài sản trí tuệ được khai thác sử dụng; thị trường, khách hàng mục tiêu; kênh phân phối chính; tốc độ tăng trưởng quy mô thị trường; số lượng khách hàng/người dùng, khối lượng sản phẩm/dịch vụ tiêu thụ; mức tăng trưởng doanh thu*).

2. Nội dung chính của báo cáo

Nội dung chính của báo cáo được chia thành các phần hoặc các chương có đánh số thứ tự và phải bao quát các vấn đề: lý thuyết, kết quả, bình luận hoặc kiến nghị.

Trong nội dung chính của báo cáo cần trình bày:

Kết quả thực hiện và thảo luận:

- + Trình bày cụ thể các nội dung thực hiện theo hợp đồng.
- + Trình bày, phân tích, đánh giá kết quả đạt được. Đưa ra được kết luận theo từng nội dung.
- + Tổng quát hóa và đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả thu được của nhiệm vụ và so với thuyết minh đề cương.
- + Tập trung mô tả và phân tích đánh giá được sản phẩm chính của nhiệm vụ. Khả năng ứng dụng và phát triển sản phẩm.

(Khối lượng, chất lượng của sản phẩm).

3. Kết luận và kiến nghị: Trình bày thành một phần riêng và không đánh số phần hoặc chương.

Trong phần kết luận trình bày súc tích các kết luận từ những nội dung của nhiệm vụ. Đánh giá kết quả đạt/chưa đạt/... của nhiệm vụ để phát triển sản phẩm của doanh nghiệp, hiệu quả kinh tế xã hội.

4. Kế hoạch triển khai kết quả nhiệm vụ

Trình bày thành một phần riêng và không đánh số phần hoặc chương. Trong phần này trình bày cụ thể kế hoạch để có thể tiếp tục phát triển sản phẩm của Công ty trong thời gian đến.

5. Tài liệu tham khảo

Nguồn tài liệu thường được trình bày theo thứ tự sau đây:

Họ tên tác giả/Nhan đề/Các yếu tố về xuất bản.

Ví dụ:

Đinh Xuân Linh, Thân Đức Nhã. Kỹ thuật trồng, chế biến nấm ăn và nấm dược liệu. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội; 2010.

Hanna JN, McBride WJ, Brookes DL, Shield J, Taylor CT, Smith IL, et al. Hendra virus infection in a veterinarian. Med J Aust. 2006 Nov 20; 185(10):562-64.

Danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trình tự sử dụng hoặc theo thứ tự alphabet trong báo cáo, không phân biệt tiếng Việt, Anh, Pháp... Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Những tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài ít người Việt biết thì ghi thêm phần tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu. Hạn chế dùng luận văn, luận án, thông tin trên internet và sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo.

III. PHẦN CUỐI

1. Phụ lục

Phần phụ lục bao gồm các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho báo cáo.

2. Bìa sau

B. TRÌNH BÀY BÁO CÁO

Báo cáo được đóng thành quyển, đóng bìa cứng; in một mặt trên khổ giấy A4; cỡ chữ 13 hoặc 14; font chữ Times New Roman; dẫn dòng 1,3 lines 1,5 lines, lề trái 3,5 cm, lề phải 2,0 cm, lề trên 2,0 cm và lề dưới 2,0 cm. Số trang được đánh chính giữa, bên dưới.

Đánh số thứ tự: Báo cáo được chia thành Phần hoặc Chương (dùng số La Mã), dưới Phần/ Chương là đến Mục lớn (dùng số La Mã) và các Tiểu mục (dùng số Ả Rập). Các Tiểu mục được đánh số thứ tự nhiều nhất là 04 chữ số.

Ví dụ: 1.2.3.4 chỉ Tiểu mục 4 của nhóm Tiểu mục 3, thuộc Mục II của Chương I.

Không nên đánh lẫn lộn số La Mã và số Ả Rập (Ví dụ: Chương I rồi Mục I.1 hay Tiểu mục I.1.2).

Các bảng, biểu, hình, đồ thị, công thức...: Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị, công thức, phương trình phải gắn với số Phần/Chương.

Ví dụ: Hình 2.4 có nghĩa là hình số 4 trong Chương II.

Thứ tự và đầu đề của bảng, biểu ghi phía trên bảng, biểu. Thứ tự và đầu đề của hình vẽ, đồ thị ghi phía dưới hình vẽ, đồ thị. Thứ tự của công thức, phương trình để trong ngoặc đơn ghi phía bên phải cùng hàng. Cỡ chữ của số thứ tự và đầu đề bằng cỡ chữ sử dụng trong báo cáo. Mọi bảng biểu, hình vẽ, số liệu, nhận định... lấy từ nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ nguồn tài liệu và được liệt kê trong danh mục Tài liệu tham khảo.

Tài liệu tham khảo và trích dẫn:

Trong khi viết báo cáo, nếu nội dung liên quan đến tài liệu tham khảo thì sau nội dung đó phải viết số thứ tự trong danh mục Tài liệu tham khảo trong ngoặc vuông [].

Khi trích dẫn nguyên văn một đoạn ít hơn hai câu hoặc bốn dòng đánh máy thì sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu trích dẫn dài hơn thì tách phần này thành đoạn riêng, với lề trái lùi vào thêm 2 cm và không sử dụng dấu ngoặc kép. Sau đoạn trích dẫn có ngoặc vuông, trong đó ghi số thứ tự dựa vào số thứ tự trong danh mục Tài liệu tham khảo

Trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, nếu cần thiết thì nêu cả số trang, ví dụ: [15, tr.314-315].

Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ: [19], [25], [41], [42].

Đơn vị đo lường: Phải sử dụng đơn vị đo lường hợp pháp của Việt Nam, nếu dùng đơn vị khác thì phải viết cả giá trị chuyển đổi và đặt trong dấu ngoặc đơn ().

Văn phong báo cáo: Câu văn cần giản dị, súc tích, ngắn gọn. Sử dụng từ ngữ rõ ràng, chính xác, tránh làm cho người đọc hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau.

C. BIỂU MẪU TRANG BÌA PHỤ

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NHIỆM VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Tên nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Thành viên tham gia nhiệm vụ:

Thời gian thực hiện: (Ghi theo Hợp đồng)

Kinh phí: (Ghi theo Hợp đồng)

Tổ chức phối hợp nghiên cứu (nếu có):

Đà Nẵng, tháng... năm...

8. Thủ tục xác nhận hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả; 3. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định để tiến hành thẩm định hồ sơ. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng thẩm định, trường hợp hồ sơ đáp ứng điều kiện, trong 15 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ trả lời tổ chức, doanh nghiệp bằng văn bản xác nhận hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Mẫu 03). Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện, trong 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị xác nhận hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Mẫu 01) - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận thành lập tổ chức; trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Các tài liệu chứng minh (đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo): Bản sao chứng thực Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoặc bản sao chứng thực Quyết định

	công nhận kết quả nghiên cứu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc bản sao chứng thực các tài liệu khác chứng nhận dự án đổi mới sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới; hoặc bản sao chứng thực chứng nhận đạt giải thưởng tại các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các giải thưởng về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ; - Thuyết minh hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp (Mẫu 02) - Các tài liệu minh chứng khác có liên quan (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố. Tổ chức khoa học và công nghệ, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gọi tắt là tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo) trên địa bàn thành phố.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản xác nhận hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Sở Khoa học và Công nghệ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu 01: Văn bản đề nghị xác nhận hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. - Mẫu 02: Mẫu Thuyết minh hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp. - Mẫu 03: Văn bản xác nhận hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. (Phụ lục II - Biểu mẫu hồ sơ xác nhận hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố đà nẵng ban hành kèm Nghị quyết số 53/2024/NQ-HĐND).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 53/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được miễn thuế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**TÊN TỔ CHỨC/DOANH
NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... / ...

Đà Nẵng, ngày tháng năm

V/v đề nghị xác nhận hoạt
động khởi nghiệp đổi mới sáng
tạo/hoạt động hỗ trợ khởi
ngiệp đổi mới sáng tạo

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp đề nghị:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại:
5. E-mail:

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận tổ chức/doanh nghiệp chúng tôi là tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng điều kiện miễn thuế theo Nghị quyết số .../2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được miễn thuế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Nội dung hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cần xác nhận:.....

Các hồ sơ kèm theo:

(1) ...

(2)....

...

Chúng tôi cam đoan các thông tin nêu tại văn bản này, thuyết minh kèm theo và các hồ sơ gửi đếnlà hoàn toàn đúng sự thật, chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin cung cấp và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

Kính đề nghị quý cơ quan quan tâm xem xét./.

....., ngày tháng ... năm ...
TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

MẪU THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung

Tên Tổ chức/doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

2. Mô tả về tổ chức/doanh nghiệp

a) Mô tả bộ máy, cơ cấu của tổ chức/doanh nghiệp

b) Ngành nghề sản xuất, kinh doanh; sản phẩm/dịch vụ

c) Mô tả về năng lực của tổ chức/doanh nghiệp

- Mô tả về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, công nghệ, thiết bị, máy móc, văn phòng, nhà xưởng, tài sản sở hữu trí tuệ chính... hiện có

- Mô tả nhân lực, lực lượng lao động hiện có

- Mô tả về đội ngũ nhân sự chính tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh (năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế, các thành tích đã đạt được...)

3. Hoạt động, quy trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ/hoạt động, quy trình hỗ trợ

Hoạt động, quy trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ/hoạt động, quy trình hỗ trợ chứng minh các nội dung quy định tại Điều 4 của Nghị Quyết.

a) Đối với quy trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ

- Mô tả công nghệ của dự án sản xuất, kinh doanh, quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên quy định tại Điều 3 Nghị quyết.

- Mô tả các đặc điểm của sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực ưu tiên quy định tại Điều 3 Nghị quyết.

b) Đối với quy trình hoạt động dịch vụ hỗ trợ

- Mô tả quy trình thực hiện các dịch vụ hỗ trợ của tổ chức.

- Cung cấp thông tin về hợp đồng dịch vụ hỗ trợ.

c) Các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp

d) Cung cấp thông tin về các giải thưởng, thành tích đạt được, các văn bằng bảo hộ, kết quả nghiên cứu,

....., ngày tháng ... năm ...

TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SKHCN-.....
V/v xác nhận hoạt động khởi nghiệp đổi
mới sáng tạo/hoạt động hỗ trợ khởi
nghiệp đổi mới sáng tạo

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...

Kính gửi: Tổ chức/doanh nghiệp

Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Văn bản số ngày của tổ chức/doanh nghiệp, Mã số thuế:..... về việc xác nhận hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/(Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận văn bản ngày). Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số/2024/NQ-HĐND ngày của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được miễn thuế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

1. Tổ chức/doanh nghiệp có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

2. Tổ chức/doanh nghiệp là tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo/doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hưởng ưu đãi miễn thuế tại Nghị quyết 136/2024/QH15.

Tổ chức/doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp. Đề nghị tổ chức/doanh nghiệp liên hệ Cục Thuế thành phố Đà Nẵng để thực hiện các thủ tục có liên quan về kê khai thu nhập, thủ tục hoàn thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Sở Khoa học và Công nghệ kính gửi tổ chức/doanh nghiệp được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục thuế thành phố;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

9. Thủ tục cấp phép thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, các tổ chức, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi là tổ chức) gửi hồ sơ đề nghị cấp phép trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích; hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Cơ quan quản lý bao gồm: Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng (đối với đề xuất thử nghiệm trong Khu công nghệ cao), Sở Khoa học và Công nghệ (đối với đề xuất thử nghiệm trong Khu công nghệ thông tin tập trung và trong Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, không gian đổi mới sáng tạo do ngân sách thành phố đầu tư) tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 03 ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan quản lý trả hồ sơ để tổ chức hoàn thiện hồ sơ. 3. Cơ quan quản lý thành lập Tổ thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan quản lý thành lập Tổ thẩm định để thẩm định hồ sơ và tiến hành thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế về cơ sở vật chất, hạ tầng, năng lực của tổ chức. Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, Cơ quan quản lý đề nghị tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ (trong trường hợp cần giải trình, làm rõ theo kiến nghị của Tổ thẩm định). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị. Trong trường hợp kết quả thẩm định không đạt, trong 07 ngày làm việc kể từ ngày họp Tổ thẩm định, Cơ quan quản lý thông báo kết quả thẩm định để tổ chức được biết và nêu rõ lý do. 4 Cơ quan quản lý tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ Trong trường hợp kết quả thẩm định đạt, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày họp Tổ thẩm định, Cơ quan quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị cấp phép. Trong trường hợp kết quả đánh giá không đạt, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng đánh giá, Cơ quan quản lý thông báo kết quả đánh giá để tổ chức
---------------------------	--

	được biết và nêu rõ lý do. 5. Cơ quan quản lý trình UBND thành phố quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát có thời hạn đối với giải pháp công nghệ mới Trong trường hợp kết quả đánh giá đạt, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng đánh giá, Cơ quan quản lý trình UBND thành phố quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát có thời hạn đối với giải pháp công nghệ mới. 6. UBND thành phố phê duyệt quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát có thời hạn đối với giải pháp công nghệ mới Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cơ quan quản lý, UBND thành phố xem xét, phê duyệt quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát có thời hạn đối với giải pháp công nghệ mới; đồng thời UBND thành phố quyết định cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm đối với từng trường hợp thử nghiệm. 7. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm tiến hành cấp phép về việc thử nghiệm có kiểm soát, ban hành quy chế thử nghiệm đối với giải pháp công nghệ mới được phép thử nghiệm Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBND thành phố ban hành quyết định, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm tiến hành cấp phép về việc thử nghiệm có kiểm soát, ban hành quy chế thử nghiệm đối với giải pháp công nghệ mới được phép thử nghiệm, đồng thời gửi kết quả cấp phép cho Cơ quan quản lý để trả kết quả cho tổ chức.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm có kiểm soát (theo Mẫu đơn đề nghị tại Phụ lục II Quy định kèm theo Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND). - Hồ sơ pháp lý: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh

	nghiệp) hoặc Quyết định thành lập của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận thành lập dự án/nhóm dự án. - Thuyết minh đề nghị cấp phép thử nghiệm (theo Mẫu Thuyết minh đề nghị cấp phép thử nghiệm tại Phụ lục III Quy định kèm theo Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND). - Hồ sơ chứng minh chi phí thực hiện thử nghiệm (nếu có): hợp đồng mua thiết bị công nghệ kèm theo; hóa đơn chứng từ có liên quan; chi phí nguồn nhân lực vận hành thử nghiệm. - Xác nhận nợ thuế, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đến thời điểm xin cấp phép thử nghiệm có kiểm soát. - Tài liệu liên quan khác (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	89 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, các tổ chức, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan thực hiện: Cơ quan quản lý. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm cấp phép thử nghiệm có kiểm soát.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép của cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm có kiểm soát (theo Mẫu đơn đề nghị tại Phụ lục II Quy định kèm theo Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND) - Thuyết minh đề nghị cấp phép thử nghiệm (theo Mẫu Thuyết minh đề nghị cấp phép thử nghiệm tại Phụ lục III Quy định kèm theo Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, các tổ chức, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau: - Được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và có hoạt động thử nghiệm giải pháp công nghệ có tính đổi mới sáng tạo; - Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành; - Đáp ứng các điều kiện về nguồn lực kỹ thuật, nhân lực, tài chính nhằm bảo đảm việc thử nghiệm và kiểm soát được quá trình, môi trường thử nghiệm.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định chi tiết về tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT

Kính gửi:

..... (Tên tổ chức đề nghị) đề nghị
 xem xét cấp phép thử nghiệm có kiểm soát công nghệ/sản phẩm/dịch
 vụ/mô hình kinh doanh mới với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức đề nghị:
2. Địa chỉ:
3. Mã số thuế:
4. Điện thoại: E-mail:
5. Mã số doanh nghiệp (nếu có)
6. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Chức vụ:
 - Điện thoại:
 - E-mail:

7. Đề nghị xem xét cấp phép thử nghiệm có kiểm soát cho công nghệ/sản
 phẩm/dịch vụ/ mô hình kinh doanh mới:

STT	Lĩnh vực đề nghị	Nội dung đề nghị	Dự kiến địa điểm thử nghiệm
1			
2			
.....			

8. Các hồ sơ kèm theo:

(1)

(2)

...

Chúng tôi cam đoan các thông tin nêu tại Đơn đề nghị này, Thuyết minh
 kèm theo và các hồ sơ gửi đến là hoàn toàn đúng sự thật, chịu trách nhiệm

về tính trung thực của thông tin cung cấp và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình tham gia thử nghiệm.

Kính đề nghị quý cơ quan quan tâm xem xét./.

....., ngày tháng ... năm ...

TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

THUYẾT MINH ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ THAM GIA THỬ NGHIỆM

1. Thông tin chung:

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:.....

Website (nếu có):

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

Thông tin người liên hệ (tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, email).

2. Mô tả về tổ chức

a) Mô tả bộ máy, cơ cấu tổ chức

b) Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính

c) Sản phẩm chính (nếu có)

d) Khách hàng và các bên liên quan chính (như khách hàng trực tiếp, khách hàng gián tiếp, nhà cung ứng, đối tác, bên cộng tác...)

đ) Giới thiệu về năng lực của tổ chức

- Mô tả cụ thể về cơ sở vật chất, hạ tầng hiện có (như công nghệ, thiết bị, máy móc, văn phòng, nhà xưởng, tài sản sở hữu trí tuệ chính...)

- Mô tả nhân lực, lực lượng lao động hiện có

- Mô tả về đội ngũ nhân sự chính tham gia trong quá trình thử nghiệm (năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế, các thành tích đã đạt được nếu có...)

- Thông tin về các thành tựu đạt được, các giải thưởng đã đạt được của tổ chức, nhân sự chính của tổ chức (nếu có)

- Vốn hiện có

- Các khoản đầu tư huy động được (nếu có)

e) Tình trạng pháp lý

- Thông tin về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận thành lập dự án/nhóm dự án.

- Tình hình chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

II. THÔNG TIN VỀ CÔNG NGHỆ/SẢN PHẨM/DỊCH VỤ/MÔ HÌNH KINH DOANH MỚI ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM

1. Tên công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đề nghị cấp phép thử nghiệm
2. Tính cần thiết phải thử nghiệm có kiểm soát
 - a) Tổng quan các nghiên cứu hoặc ứng dụng giải pháp công nghệ có liên quan đã được thực hiện bởi tổ chức đề nghị cấp phép hoặc các tổ chức khác trong và ngoài nước
 - b) Các tồn tại, hạn chế, các vấn đề đặt ra cần phải giải quyết
 - c) Lý do cần phải thử nghiệm theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát
3. Mục tiêu của việc thử nghiệm
4. Mô tả về công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đề nghị cấp phép thử nghiệm
 - a) Mô tả công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đăng ký tham gia thử nghiệm, trong đó thể hiện: tính mới hoặc áp dụng công nghệ mới hoặc có tính đổi mới sáng tạo của giải pháp; mô hình mô phỏng giải pháp hoặc bản trình diễn thử (nếu có)

Đối với dịch vụ, mô hình kinh doanh mới: Cần mô tả cụ thể mô hình dịch vụ, mô hình kinh doanh, đối tượng khách hàng, đối tác dự kiến; sự liên kết, tương tác giữa tổ chức với khách hàng và đối tác; chi phí, lợi nhuận dự kiến; phương án quản lý tài chính đối với tổ chức và đối với khách hàng, đối tác.

 - b) Dự kiến kết quả, sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm (*bao gồm các yêu cầu về kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá*)
 - c) Khách hàng tiềm năng, đối tượng thụ hưởng
 - d) Giá trị, lợi ích của kết quả, sản phẩm; hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường
5. Yêu cầu về nguồn lực, hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật đối với địa điểm thử nghiệm để đáp ứng việc thử nghiệm
6. Yêu cầu về cơ chế quản lý, giám sát đối với cơ quan quản lý
7. Rủi ro ảnh hưởng đến tính bảo mật, an ninh, quốc phòng; lợi ích của người dùng
8. Mô tả phương án của tổ chức nhằm đáp ứng các quy định trong quá trình tham gia thử nghiệm

III. KẾ HOẠCH THỬ NGHIỆM

1. Thời gian đề nghị thử nghiệm (tháng)
2. Địa điểm đề xuất thử nghiệm
3. Quy trình thực hiện thử nghiệm

(Mô tả cụ thể trình tự thực hiện; mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu (nếu có); các thử nghiệm dự kiến tiến hành, tiến độ thực hiện; các yêu cầu về kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá đối với mỗi bước thử nghiệm...)

4. Mô tả về khách hàng, đối tác có liên quan trong quá trình thử nghiệm (nếu có) *(như đối tượng, số lượng; giới hạn số tiền thực hiện giao dịch...)*

5. Dự kiến nguồn lực thực hiện

6. Kinh phí thực hiện và khả năng đáp ứng nhu cầu kinh phí của tổ chức

IV. QUY TRÌNH VẬN HÀNH, QUẢN LÝ RỦI RO VÀ PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC

1. Dự kiến các sự cố có thể phát sinh gây gián đoạn hoạt động thử nghiệm; các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình thử nghiệm

2. Mô tả phương án vận hành trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro

3. Mô tả các phương án, biện pháp khắc phục sự cố, rủi ro

V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SAU KHI KẾT THÚC THỬ NGHIỆM

1. Mục tiêu phát triển sau khi kết thúc thử nghiệm

2. Kế hoạch hoàn thiện giải pháp và mở rộng ứng dụng ở Việt Nam sau khi kết thúc thử nghiệm

3. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm, giải pháp sau khi kết thúc thử nghiệm

4. Phương án phát triển trong trường hợp việc thử nghiệm không thành công

VI. PHỤ LỤC THUYẾT MINH

Danh sách các hồ sơ có liên quan nếu có *(như các bảng biểu; kết quả phân tích, kiểm nghiệm; các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho thuyết minh)*

....., ngày tháng ... năm ...

TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

10. Thủ tục gia hạn thời gian thử nghiệm

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, các tổ chức, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi là tổ chức) gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm đến cơ quan cấp phép tại địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Cơ quan cấp phép tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 03 ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan cấp phép trả hồ sơ để tổ chức hoàn thiện hồ sơ. 3. Cơ quan cấp phép trình UBND thành phố quyết định việc gia hạn thời gian thử nghiệm Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp phép xem xét trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc gia hạn thời gian thử nghiệm. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan cấp phép xin ý kiến tư vấn của chuyên gia hoặc cơ quan, đơn vị có liên quan về việc gia hạn thời gian thử nghiệm trước khi trình UBND thành phố quyết định. 4. UBND thành phố quyết định về việc gia hạn thời gian thử nghiệm Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cơ quan cấp phép, UBND thành phố xem xét, quyết định việc gia hạn thời gian thử nghiệm. Bước 5: Cơ quan cấp phép gia hạn giấy phép Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày UBND thành phố có quyết định về việc gia hạn thời gian thử nghiệm, Cơ quan cấp phép gia hạn giấy phép. Trường hợp UBND thành phố không đồng ý gia hạn thì Cơ quan cấp phép thông báo để tổ chức được biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm (theo Mẫu đơn đề nghị gia hạn tại Phụ lục V Quy định kèm theo Nghị

	quyết số 55/2024/NQ-HĐND). - Báo cáo tình hình thử nghiệm (theo Mẫu báo cáo tình hình thử nghiệm tại Phụ lục VI Quy định kèm theo Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	33 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, các tổ chức, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan thực hiện: Cơ quan cấp phép - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố quyết định việc gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới. Cơ quan cấp phép gia hạn giấy phép.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép được gia hạn của cơ quan cấp phép.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm (theo Mẫu đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm tại Phụ lục V Quy định kèm theo Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND). - Báo cáo tình hình thử nghiệm (theo Mẫu báo cáo tình hình thử nghiệm tại Phụ lục VI Quy định kèm theo Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định chi tiết về tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN THỬ NGHIỆM

Kính gửi:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về tổ chức:

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:.....

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

Thông tin người liên hệ (*tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, email*)

2. Thông tin chung về công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới thử nghiệm

a) Tên công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đã được cấp phép thử nghiệm

b) Thông tin về quyết định cho phép thử nghiệm, giấy phép thử nghiệm (*số, cơ quan cấp, thời gian cấp, thời gian cho phép thử nghiệm*)

3. Đề xuất gia hạn

a) Khó khăn, hạn chế trong quá trình thử nghiệm

b) Lý do đề xuất gia hạn

c) Thời gian đề xuất gia hạn (tháng)

d) Kế hoạch thử nghiệm trong thời gian được gia hạn

(*Mô tả cụ thể trình tự thực hiện; mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu (nếu có); các thử nghiệm dự kiến tiến hành, tiến độ thực hiện; các yêu cầu về kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá đối với mỗi bước thử nghiệm...*)

....., ngày tháng ... năm ...

TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỬ NGHIỆM

Kính gửi:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về tổ chức

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:.....

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

Thông tin người liên hệ (*tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, email*)

2. Thông tin chung về công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới thử nghiệm

a) Tên công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đã được cấp phép thử nghiệm

b) Thông tin về quyết định cho phép thử nghiệm, giấy phép thử nghiệm (*số, cơ quan cấp, thời gian cấp, thời gian cho phép thử nghiệm*)

c) Địa điểm thử nghiệm

d) Mục tiêu của việc thử nghiệm

đ) Dự kiến kết quả, sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm

II. TÌNH HÌNH THỬ NGHIỆM VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Nội dung công việc đã và đang thực hiện

a) Các công việc đã hoàn thành

b) Các công việc đang thực hiện

c) Các công việc dự kiến thực hiện (*trong trường hợp việc thử nghiệm chưa kết thúc*)

2. Kết quả đạt được

a) Mô tả kết quả, sản phẩm đạt được (*kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá*)

b) Đánh giá mức độ đạt được so với mục tiêu đề ra

3. Kinh phí thực hiện

4. Báo cáo tình hình tuân thủ quy chế thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm

5. Báo cáo tình hình tuân thủ các nghĩa vụ và trách nhiệm trong quá trình thử nghiệm

6. Báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro trong quá trình thử nghiệm

a) Các sự cố phát sinh gây gián đoạn hoạt động thử nghiệm; các rủi ro phát sinh trong quá trình thử nghiệm

b) Kết quả áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro trong quá trình thử nghiệm

7. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm, giải pháp (*trong trường hợp đã kết thúc thử nghiệm*)

8. Khó khăn, hạn chế, thách thức trong quá trình thử nghiệm

9. Kinh nghiệm rút ra

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

....., ngày tháng ... năm ...

TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

11. Thủ tục hỗ trợ kinh phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ tại địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ hướng dẫn, trả hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện. 2. Định kỳ trước ngày 15 của tháng cuối quý, Đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ gửi hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được giao cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ)/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng (trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được giao cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng). 3. Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 05 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trả hồ sơ cho Đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ để hoàn thiện. 4 Trong thời hạn 15 ngày, Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ thuê. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng có văn bản nêu lý do hồ sơ không đáp ứng điều kiện; trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan. Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 10 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị bổ sung của Hội đồng. Trường hợp hồ sơ đáp ứng điều kiện hỗ trợ, Hội đồng đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng về kinh phí hỗ
---------------------------	--

	trợ. 5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Hội đồng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ/Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng ban hành Quyết định hỗ trợ, ký kết Hợp đồng hỗ trợ kinh phí.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (Theo Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 56/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024). - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập của Tổ chức/đơn vị, Báo cáo tài chính của năm gần nhất; Đối với cá nhân: Sơ yếu lý lịch, Căn cước công dân/Hộ chiếu. - Bản chính Thuyết minh dự án (Theo Phụ lục V kèm theo Nghị quyết số 56/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024). - Bản sao có chứng thực Văn bản xác nhận việc chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan (đối với tổ chức). - Hợp đồng cho thuê giữa đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ và tổ chức/cá nhân đề nghị hỗ trợ. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất của Đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 56/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan thực hiện: Đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công

	ng nghiệp Đà Nẵng. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phê duyệt hồ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng hoặc văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị hồ trợ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị hồ trợ (theo Mẫu đơn đề nghị hồ trợ kinh phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 56/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024). - Thuyết minh dự án (theo Mẫu Thuyết minh dự án tại Phụ lục V kèm theo Nghị quyết số 56/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 56/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định khai thác, giao, xử lý và hồ trợ kinh phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ THUÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố/Ban Quản lý
khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về quy định khai thác, giao, xử lý và hỗ trợ kinh phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

..... (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị) đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành phố/Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng xem xét hỗ trợ thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã/cá nhân đề nghị hỗ trợ:

2. Địa chỉ:

3. Mã số thuế:

4. Điện thoại:

5. E-mail:

6. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

- Sinh ngày:

- Số căn cước công dân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

7. Đề nghị xem xét hỗ trợ thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ để phục vụ dự án (Tên dự án sáng tạo)

TT	Nội dung hỗ trợ cụ thể	Mức đề nghị hỗ trợ
1		
2		
.....		

8. Các hồ sơ kèm theo:

(1)

(2)

...

Chúng tôi cam đoan các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ thành phố/Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố, Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng là đúng sự thật và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ. Kính đề nghị quý Sở/Ban quan tâm xem xét./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MẪU THUYẾT MINH DỰ ÁN

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

1. Đối với tổ chức

Tên tổ chức:

Năm thành lập:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Email:.....

Website:.....

Họ và tên người đại diện pháp luật:

Chức vụ:.....

Số điện thoại người đại diện:.....

2. Đối với cá nhân

Họ và tên:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....

Số CCCD/Số hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Email:.....

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Mục đích thuê

.....

.....

.....

2. Thời gian thuê

.....

.....

.....

3. Phương án thuê và sử dụng

.....

.....

.....

4. Nguồn lực triển khai

a) Đối với tổ chức

- Năng lực triển khai nhiệm vụ (năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện chính):

+ Người đứng đầu có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

+ Đội ngũ chuyên gia tư vấn có lý lịch khoa học và hợp đồng chuyên gia. Chuyên gia tư vấn có chuyên ngành đào tạo hoặc kinh nghiệm làm việc phù hợp với lĩnh vực tham gia tư vấn.

+ Đội ngũ nhân lực vận hành có hợp đồng lao động với tổ chức trung gian.

- Bảo đảm đáp ứng các quy định đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Phương án huy động nguồn lực thực hiện nhiệm vụ (mạng lưới chuyên gia, đơn vị phối hợp thực hiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật được phép khai thác, sử dụng):

- Nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ

+ Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố:

+ Kinh phí từ nguồn khác:.....

b) Đối với cá nhân

Nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ

+ Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố:

- Kinh phí từ nguồn khác:.....

.....ngày ... tháng ... năm 20...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo tổ chức;

đóng dấu xác nhận, nếu có)

II. LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1. Chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật của tác giả là người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận Một cửa sẽ gửi thông báo nêu lý do từ chối hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định, tham mưu trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét ban hành quyết định chấp thuận hoặc Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản trả lời. Trường hợp tổ chức nộp lại hồ sơ sửa đổi, bổ sung mà không đầy đủ các thành phần theo quy định, không bảo đảm yêu cầu để thẩm định thì hồ sơ xem như không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ từ chối tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung của tổ chức.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị chấp thuận việc công nhận sáng kiến; - Bản sao đơn yêu cầu công nhận sáng kiến; - Báo cáo đánh giá của cơ sở xét công nhận sáng kiến về việc đối tượng nêu trong đơn đáp ứng đủ các điều kiện để được công nhận là sáng kiến theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ; - Bản sao Biên bản kết luận của hội đồng sáng kiến. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải	Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ

quyết	hợp lệ. Trong trường hợp Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định, thời hạn giải quyết cụ thể như sau: - Tại Sở Khoa học và Công nghệ: 14 ngày làm việc; - Tại UBND thành phố: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của UBND thành phố Đà Nẵng có người đứng đầu là tác giả của sáng kiến (được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật) được công nhận; - Cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước có trụ sở tại thành phố Đà Nẵng có người đứng đầu là tác giả của sáng kiến (được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật) được công nhận.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố hoặc văn bản trả lời của Sở Khoa học và Công nghệ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Không có.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: + Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó; + Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực. - Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến: + Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;

	+ Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến. - Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi một cơ sở nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó, giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: + Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước; + Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được; + Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến; + Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện. - Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người).
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến - Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ

2. Công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố Đà Nẵng

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định, trong thời gian từ ngày 01 đến ngày 30 tháng 11 hằng năm; nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận Một cửa sẽ gửi thông báo nêu lý do từ chối hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức/cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn chuyên ngành để đánh giá sáng kiến, tham mưu trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét ban hành quyết định. Trường hợp tổ chức nộp lại hồ sơ sửa đổi, bổ sung mà không đầy đủ các thành phần theo quy định, không bảo đảm yêu cầu để thẩm định thì hồ sơ xem như không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ từ chối tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung của tổ chức.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố của tác giả sáng kiến hoặc cơ sở nơi sáng kiến được công nhận (Mẫu 1a đối với cá nhân, Mẫu 1b đối với tổ chức); - Bản mô tả sáng kiến (Mẫu 2); - Bản sao Quyết định công nhận sáng kiến hoặc Giấy chứng nhận sáng kiến của cơ sở nơi sáng kiến được công nhận

	nhận; - Bản sao Văn bản chấp thuận việc công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp sáng kiến do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và tác giả tạo ra sáng kiến là người đứng đầu cơ sở; - Các tài liệu liên quan khác để chứng minh, làm rõ về tính mới, việc áp dụng, khả năng nhân rộng và việc mang lại lợi ích thiết thực về kinh tế, xã hội của sáng kiến (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 50 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ. Cụ thể như sau: - Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ, Sở KH&CN có trách nhiệm thành lập, tổ chức các phiên họp của các Hội đồng tư vấn chuyên ngành để đánh giá tác dụng, ảnh hưởng của sáng kiến đối với thành phố và trình kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn chuyên ngành cho UBND thành phố; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở KH&CN, Văn phòng UBND thành phố có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố và gửi Quyết định đến các cơ quan có liên quan; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố, Sở KH&CN cấp giấy chứng nhận cho các tác giả/đồng tác giả có sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân đề nghị xét công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, công dân yêu cầu xét công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng và

thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận của Sở Khoa học và Công nghệ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Thực hiện theo Phụ lục I, Phụ lục II tại Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng: - Đơn đề nghị công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố của tác giả sáng kiến hoặc cơ sở nơi sáng kiến được công nhận (Mẫu 1a đối với cá nhân và Mẫu 1b đối với tập thể); - Bản mô tả sáng kiến (Mẫu 2).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định xét công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố Đà Nẵng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN CÓ TÁC DỤNG,
ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

1. Tôi tên là:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Điện thoại :..... Fax:.....

4. Email:.....

Là tác giả/đồng tác giả của sáng kiến:

.....
.....
.....

Tôi làm đơn này đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xét công nhận tác dụng, ảnh hưởng của sáng kiến nêu trên đối với thành phố Đà Nẵng.

5. Các tài liệu kèm theo

☐ Bản mô tả sáng kiến

☐ Quyết định công nhận sáng kiến hoặc Giấy chứng nhận sáng kiến của cơ sở nơi sáng kiến được công nhận

☐ Văn bản chấp thuận việc công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền

☐ Các tài liệu liên quan khác (nếu có, ghi rõ tài liệu gì)

-
-
-

Đà Nẵng, ngày ... tháng... năm 202...

Người nộp đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN CÓ TÁC DỤNG,
ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

1. Tên cơ quan, đơn vị:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Email:.....

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xét công nhận tác dụng ảnh hưởng của các sáng kiến (Danh sách kèm theo) đối với thành phố Đà Nẵng.

5. Các tài liệu kèm theo

- ☐ Danh sách các sáng kiến đề nghị xét công nhận
- ☐ Bản mô tả sáng kiến (..... Bản mô tả)
- ☐ Quyết định công nhận sáng kiến hoặc Giấy chứng nhận sáng kiến của cơ sở nơi sáng kiến được công nhận (..... Quyết định, Giấy chứng nhận)
- ☐ Văn bản chấp thuận việc công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (..... Văn bản)
- ☐ Các tài liệu liên quan khác (nếu có, ghi rõ tài liệu gì)
-
-
-

Đà Nẵng, ngày ... tháng... năm 202...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến:

(Nêu ngắn gọn, thể hiện bản chất của sáng kiến).

2. Tác giả/đồng tác giả sáng kiến

Chỉ liệt kê các đồng tác giả có tỷ lệ đóng góp từ 30% trở lên vào việc tạo ra sáng kiến.

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (*)	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến
1						
2						
3						

(*) Ghi trình độ chuyên môn cao nhất được đào tạo, ví dụ: Thạc sỹ Công nghệ thông tin, Kỹ sư Nông nghiệp, Cử nhân Luật...

3. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến

Tên và địa chỉ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

4. Thời điểm sáng kiến được áp dụng lần đầu

Ghi rõ mốc thời gian.

5. Thực trạng trước khi áp dụng sáng kiến

- Khó khăn, vướng mắc trong thực tế.
- Vấn đề cần giải quyết.
- Nhược điểm cần khắc phục của giải pháp đã biết (nếu là sáng kiến cải tiến giải pháp cũ).

6. Nội dung sáng kiến

- Mô tả ngắn gọn, đầy đủ và rõ ràng các bước thực hiện sáng kiến (theo trình tự thời gian) cũng như các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến và kết quả đạt được.
- Nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở thì nêu những nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm của giải pháp cũ.
- Có thể sử dụng các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu... kèm theo để minh họa, làm rõ hơn về nội dung, kết quả của giải pháp.

7. Tính mới của sáng kiến

Đánh giá về tính mới của sáng kiến theo các nội dung được quy định tại Điều 6 của Quy định này.

8. Khả năng áp dụng của sáng kiến

- Nêu rõ việc sáng kiến đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở; thời điểm sáng kiến được áp dụng.
- Nêu rõ sáng kiến có khả năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào, trong điều kiện nào.

9. Đánh giá lợi ích thu được

- So sánh hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội thu được khi áp dụng sáng kiến so với trường hợp không áp dụng.
- Nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó thì so sánh hiệu quả, lợi ích cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó.
- Trong trường hợp tính được số tiền làm lợi thì tính và nêu cách tính cụ thể.
- Đánh giá mức độ, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến đối với thành phố theo các nội dung được quy định tại Điều 7 của Quy định này.

10. Những thông tin cần được bảo mật (nếu có)

Nếu có, nêu rõ cần bảo mật thông tin gì, thông tin đó được định hình bằng phương tiện gì.

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Xác nhận của cơ sở
công nhận sáng kiến**

Đà Nẵng, ngày..... tháng năm 202...

**Người nộp đơn/Đại diện
những người nộp đơn**
(Ký và ghi rõ họ tên)

III. LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET

Xác nhận thỏa thuận vị trí xây dựng trạm thu phát sóng viễn thông có cột ăng ten không công kênh

Trình tự thực hiện	1. Trước khi xây dựng trạm thu phát sóng viễn thông có cột ăng ten không công kênh, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ đề nghị xác nhận thỏa thuận vị trí xây dựng, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận Một cửa sẽ gửi thông báo nêu lý do từ chối hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần). + Nếu đạt yêu cầu: Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ ban hành văn bản xác nhận. + Nếu không đạt yêu cầu: Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thông báo đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản không đồng ý cấp giấy xác nhận.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Văn bản Đề nghị thỏa thuận vị trí xây dựng trạm thu phát sóng viễn thông có cột ăng ten không công kênh (Mẫu KH-CN....); - Bản vẽ mặt bằng các tầng, mặt cắt, mặt đứng trạm phát sóng viễn thông theo tỷ lệ 1/100 hoặc 1/200. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đạt yêu cầu
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức (Doanh nghiệp).

chính	
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Giấy xác nhận thỏa thuận vị trí xây dựng trạm thu phát sóng viễn thông có cột ăng ten không công kênh (đối với hồ sơ đạt yêu cầu); - Văn bản trả hồ sơ hoặc văn bản không đồng ý xác nhận (đối với hồ sơ không đạt yêu cầu).
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đề nghị thỏa thuận vị trí xây dựng trạm thu phát sóng viễn thông có cột ăng ten không công kênh (Mẫu VT01).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông - Thông tư số 21/2022/TT-BTTTT ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn về phối nhiệm trường điện từ của các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (QCVN 08-2022/BTTTT); - Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định quản lý hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. - Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 07/3/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một

	số điều của Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của UBND thành phố Quy định Quản lý hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
--	--

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN VỊ TRÍ XÂY DỰNG TRẠM THU PHÁT SÓNG
VIỄN THÔNG CÓ CỘT ĂNG TEN KHÔNG CÔNG KÈNH***

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Đầu mối liên lạc (ông/bà):.....

Điện thoại di động:.....; Email:.....

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng thỏa thuận vị trí xây dựng trạm thu phát sóng viễn thông có cột ăng ten không công kênh, cụ thể như sau:

Vị trí (Ghi rõ địa chỉ xây dựng):.....

.....

Tọa độ: Kinh độ:.....; Vĩ độ:.....

Cột xây dựng (m):.....

Hồ sơ kèm theo:

- Bản vẽ mặt cắt đứng, mặt cắt ngang: Có ☐; Không ☐;

- Bản sao Giấy phép sử dụng băng tần;

- Tổ chức/Cá nhân cho thuê nhà:

Tổ chức cho thuê nhà:

+ Tên tổ chức:.....

+ Người đại diện:.....; Chức vụ:.....

Cá nhân cho thuê nhà:

+ Họ tên:.....;

+ CCCD/CMND số:....., Cấp tại:....., Ngày cấp:.....

Đà Nẵng, ngày..... tháng..... năm 20...

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Mỗi Giấy chỉ đề nghị đối với 01 (một) trạm thu phát sóng viễn thông có cột ăng ten không công kênh

(*) Mẫu văn bản này do Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng để tổ chức tham khảo

IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ

1. Thẩm định đề nghị hỗ trợ theo Nghị quyết số 270/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Quy định chính sách hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận Một cửa sẽ gửi thông báo nêu lý do từ chối hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định + Nếu hồ sơ đạt yêu cầu: * Trường hợp tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ dưới 200 triệu đồng Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thẩm định, phê duyệt số tiền hỗ trợ cho tổ chức, doanh nghiệp trong 30 ngày làm việc. * Trường hợp tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ trên 200 triệu đồng. Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thẩm định, Báo cáo kết quả thẩm định trong 30 ngày làm việc, trình UBND thành phố Quyết định phê duyệt số tiền hỗ trợ cho tổ chức, doanh nghiệp trong 10 ngày làm việc. Trong quá trình thẩm định Sở Khoa học và Công nghệ sẽ lấy ý kiến Sở Tài chính để xác nhận doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết 270/2019/NQ-HĐND. Thời gian Sở Tài chính cho ý kiến không quá 10 ngày làm việc và sẽ thực hiện song song với quá trình thẩm định hồ sơ của Sở Khoa học và Công nghệ. Đại diện tổ chức đến nộp bản chính hồ sơ (bản giấy) và nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ. ++ Đối với hồ sơ không đạt yêu cầu: Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ ra văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung. Hồ sơ xem như được trả lại. Tổ chức hoàn thiện lại hồ sơ và thực hiện
---------------------------	---

	thủ tục lại từ đầu. Trường hợp UBND thành phố không phê duyệt: Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của UBND thành phố Đà Nẵng, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thông báo cho tổ chức biết. Trường hợp tổ chức nộp lại hồ sơ sửa đổi, bổ sung mà không đầy đủ các thành phần theo quy định, không bảo đảm yêu cầu để thẩm định thì hồ sơ xem như không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ từ chối tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung của tổ chức.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: * Đối với điều kiện xét hỗ trợ: - Văn bản đề nghị hỗ trợ của tổ chức, doanh nghiệp: bản chính (Mẫu theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 270/2019/NQ-HĐND); - Văn bản xác nhận của cơ quan thuế và bảo hiểm xã hội (bản sao có chứng thực) về việc tổ chức, doanh nghiệp hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ đối với người lao động. - Tài liệu chứng minh (bản sao có chứng thực) tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện xét hỗ trợ theo Điều 3 Quy định này, bao gồm một trong các thành phần sau: + Hóa đơn và chứng từ liên quan đến hoạt động xuất khẩu phần mềm của năm đạt điều kiện hỗ trợ. + Các tài liệu chứng minh tổ chức, doanh nghiệp đã nhận giải thưởng. + Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn và các chứng từ khác (nếu có) liên quan đến việc triển khai sản phẩm phần mềm, nội dung số, điện tử tích hợp mang tính hệ thống hoặc có nền tảng riêng, sử dụng công nghệ mới. * Đối với nội dung đề nghị hỗ trợ Tài liệu chứng minh (bản sao có chứng thực) tương ứng với từng nội dung đề nghị hỗ trợ, cụ thể: - Trường hợp hỗ trợ cơ sở hạ tầng: Hợp đồng, hóa đơn và

	các chứng từ có liên quan đến việc thuê mặt bằng, thuê lưu ký website, thuê máy chủ, thuê chỗ đặt máy chủ, dịch vụ lưu trữ dữ liệu, dịch vụ an toàn an ninh thông tin. - Trường hợp hỗ trợ khóa đào tạo: Hóa đơn và các chứng từ khác liên quan đến việc đào tạo; Chứng chỉ/văn bản chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo của từng cá nhân tham gia đào tạo; Hợp đồng lao động của các đối tượng được đào tạo. - Trường hợp hỗ trợ xây dựng quy trình sản xuất phần mềm, nội dung số: Giấy chứng nhận quy trình sản xuất phần mềm theo chuẩn CMMI, Scrum, Agile hoặc tương đương; Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn và các chứng từ khác (nếu có). - Trường hợp hỗ trợ xúc tiến thương mại, phát triển thị trường: + Hỗ trợ chi phí đăng ký lần đầu bảo hộ bản quyền phần mềm trong nước: Các chứng từ liên quan đến việc đăng ký bảo hộ. + Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm, hội thảo chuyên ngành và Hỗ trợ tham gia đoàn xúc tiến thương mại, đầu tư nước ngoài: Áp dụng theo trình tự thủ tục của Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định nội dung và mức kinh phí hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng. + Hỗ trợ quảng bá thông tin: Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn hoặc các chứng từ khác liên quan đến chi phí đã thực hiện về quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông, thông tin đại chúng. - Trường hợp hỗ trợ lãi suất vay vốn: Áp dụng theo trình tự thủ tục của Nghị quyết số 149/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức vay vốn đầu tư các dự án phát triển kinh tế- xã hội quan trọng trên địa bàn thành phố. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ đạt yêu cầu (thời gian này được tính như nhau cho tất cả các lần nộp hồ sơ). - Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định của

	UBND thành phố Đà Nẵng: Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định trong 30 ngày làm việc, UBND thành phố phê duyệt trong 10 ngày làm việc. Thời gian Sở Tài chính cho ý kiến không quá 10 ngày làm việc và sẽ thực hiện song song với quá trình thẩm định hồ sơ của Sở Khoa học và Công nghệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức (Doanh nghiệp).
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: + Trường hợp hồ sơ có tổng kinh phí hỗ trợ dưới 200.000.000 đồng, cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng. + Trường hợp hồ sơ có tổng kinh phí hỗ trợ từ 200.000.000 đồng trở lên, cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Báo cáo kết quả thẩm định và Quyết định phê duyệt số tiền hỗ trợ cho tổ chức, doanh nghiệp (đối với hồ sơ đạt yêu cầu); - Công văn đề nghị bổ sung, làm rõ hồ sơ trình thẩm định (đối với hồ sơ không đạt yêu cầu).
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 270/2019/NQ-HĐND).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 270/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Quy định chính sách hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp:
2. Họ và tên người đại diện theo pháp luật:
3. Địa chỉ doanh nghiệp:.....
4. Mã số thuế:
5. Quốc tịch:
6. Thông tin liên hệ:
Số điện thoại:; Fax:; E-mail:.....

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ, TÀI LIỆU CHỨNG MINH

(Điền đầy đủ thông tin và đánh dấu ✓ vào ô ☐ của nội dung đề nghị hỗ trợ)

1. Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện xét hỗ trợ

a) Tài liệu chứng minh tổ chức, doanh nghiệp đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ đối với người lao động (bản sao có chứng thực):

- Văn bản xác nhận của cơ quan thuế (bản sao có chứng thực) về việc hoàn thành các nghĩa vụ về thuế

Không ☐

Có ☐

Đính kèm Văn bản sốngày.../.../.....

- Văn bản xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội (bản sao có chứng thực) về việc tổ chức, doanh nghiệp hoàn thành các nghĩa vụ đối với người lao động

Không ☐

Có ☐

Đính kèm Văn bản sốngày.../.../.....

b) Tài liệu chứng minh tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện xét hỗ trợ, gồm có:

☐ Điều kiện kim ngạch xuất khẩu phần mềm, nội dung số đạt trên 100.000 USD/năm⁹.

Liệt kê tài liệu đính kèm:

.....

.....

☐ Điều kiện có sản phẩm công nghệ thông tin đạt các giải thưởng: Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam, Sao Khuê, Nhân tài Đất Việt.

Liệt kê tài liệu đính kèm:

.....

.....

☐ Điều kiện có một trong các sản phẩm phần mềm, nội dung số, điện tử tích hợp mang tính hệ thống hoặc có nền tảng riêng, sử dụng công nghệ mới, đã hoàn thiện và được đưa vào sử dụng thực tế.

Liệt kê tài liệu đính kèm:

.....

.....

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ và tài liệu kèm theo

a) Hỗ trợ cơ sở hạ tầng

- ☐ Hỗ trợ 50% chi phí thuê mặt bằng trong Công viên phần mềm Đà Nẵng, Khu Công nghệ thông tin Đà Nẵng, các Tòa nhà cho thuê tập trung, dùng chung khác trên địa bàn thành phố trong một năm.

+ Địa điểm thuê mặt bằng (trong trường hợp thuê nhiều địa điểm, tổ chức, doanh nghiệp cần liệt kê đầy đủ):

+ Địa chỉ:

+ Đơn giá thuê/m²: Diện tích thuê:m².

+ Tài liệu đính kèm:

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng

- ☐ Hỗ trợ 50% chi phí thuê lưu ký (hosting) 01 (một) website trong nước.

⁹ Đối với doanh nghiệp được hưởng ưu đãi lần sau, kim ngạch xuất khẩu phần mềm, nội dung số phải cao hơn 15% so với giá trị trong thời điểm được hưởng ưu đãi lần trước gần nhất.

- + Tên website:
- + Vị trí hosting:
- + Phí hosting/năm:
- + Tài liệu đính kèm:

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng

- ☐ Hỗ trợ 50% chi phí thuê máy chủ, thuê chỗ đặt máy chủ, dịch vụ lưu trữ dữ liệu, dịch vụ an toàn an ninh thông tin, khi thuê dịch vụ của nhà cung cấp có hạ tầng cho thuê ở trong nước trong một năm.

(1) Thuê máy chủ

- + Số lượng máy chủ thuê:
- + Đơn vị cung cấp dịch vụ:
- + Đơn giá thuê/năm:
- + Tài liệu đính kèm:

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng

(2) Thuê chỗ đặt máy chủ

- + Nơi đặt máy chủ:
- + Đơn vị cung cấp dịch vụ:
- + Đơn giá thuê/năm:
- + Tài liệu đính kèm:

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng

(3) Thuê dịch vụ lưu trữ dữ liệu

- + Dung lượng thuê (TB):
- + Hình thức: ☐ SAN; ☐ NAS; ☐ Khác (.....)
- + Đơn vị cung cấp dịch vụ:
- + Đơn giá thuê/năm:
- + Tài liệu đính kèm:

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng

(4) Thuê dịch vụ an toàn an ninh thông tin

+ Tên dịch vụ:.....

+ Đơn vị cung cấp dịch vụ:

+ Đơn giá thuê/năm:.....

+ Tài liệu đính kèm:

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ của (1) + (2) + (3) + (4):đồng

b) Hỗ trợ đào tạo, xây dựng quy trình sản xuất phần mềm, nội dung số

- ☐ Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo liên quan đến kỹ năng lập trình, phân tích dữ liệu, an toàn thông tin, thiết kế vi mạch điện tử (Tổng chi phí hỗ trợ không quá 50.000.000 đồng/tổ chức, doanh nghiệp trong một năm).

+ Nội dung khóa đào tạo:

+ Thời hạn đào tạo:

+ Số lượng học viên:

+ Tổng chi phí khóa đào tạo:.....

+ Tài liệu đính kèm:

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng

- ☐ Hỗ trợ 50% chi phí cho các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng và lấy chứng nhận quy trình sản xuất theo chuẩn CMMI (từ mức 3 trở lên), Scrum, Agile hoặc tương đương (Tổng chi phí hỗ trợ không quá 200.000.000 đồng/doanh nghiệp).

☐ Quy trình sản xuất đạt chuẩn CMMI (từ mức 3 trở lên) ☐ Quy trình sản xuất đạt chuẩn Scrum

☐ Quy trình sản xuất đạt chuẩn Agile ☐ Quy trình sản xuất đạt chuẩn tương đương với một trong các chuẩn trên

+ Giấy chứng nhận (số hiệu, ngày cấp):

+ Tổng chi phí xây dựng, áp dụng và lấy chứng nhận quy trình sản xuất:..

+ Tài liệu đính kèm:

.....

- + Kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng
- c) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, phát triển thị trường
- ☐ Hỗ trợ chi phí đăng ký lần đầu bảo hộ bản quyền phần mềm trong nước

+ Tên sản phẩm:

+ Đơn vị tư vấn:

+ Chi phí đăng ký bảo hộ:

+ Tài liệu đính kèm:

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng

- ☐ Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thuê gian hàng để trưng bày sản phẩm công nghệ thông tin tại các hội chợ, triển lãm, hội thảo chuyên ngành

+ Tài liệu đính kèm (theo Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND):

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng

- ☐ Hỗ trợ chi phí tham gia đoàn xúc tiến thương mại, đầu tư nước ngoài.

+ Tài liệu đính kèm (theo Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND):

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng

- ☐ Hỗ trợ chi phí quảng bá sản phẩm phần mềm, nội dung số trên các phương tiện truyền thông, thông tin đại chúng (không quá 20.000.000 đồng/tổ chức, doanh nghiệp trong một năm).

+ Nội dung quảng bá:

+ Kênh, thời gian quảng bá, đăng tin:

+ Chi phí:

+ Tài liệu đính kèm:

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ:đồng

d) Hỗ trợ nghiên cứu khoa học

- ☐ Ưu tiên tham gia các đề tài khoa của thành phố

+ Tên đề tài khoa học của thành phố mong muốn tham gia:

.....

- ☐ Ưu tiên đặt hàng thực hiện các đề tài khoa học và các sản phẩm triển khai thí điểm của thành phố

+ Đề tài khoa học, sản phẩm triển khai thí điểm của thành phố đề nghị được đặt hàng:.....

đ) Hỗ trợ lãi suất vay vốn

☐ Hỗ trợ lãi suất vay vốn

+ Tài liệu đính kèm (theo Nghị quyết số 149/2018/NQ-HĐND):

.....

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng

e) Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ

Số tiền (bằng số): đồng

Bằng chữ:

Năm đạt điều kiện hỗ trợ:

III. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

Không ☐

Có ☐

.....

.....

Trên đây là nội dung đề nghị hỗ trợ của tổ chức, doanh nghiệp, kính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng xem xét, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2. Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực có trình độ chuyên môn cao làm việc tại các doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận Một cửa sẽ gửi thông báo nêu lý do từ chối hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định + Nếu hồ sơ đạt yêu cầu: Trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Khoa học và Công nghệ: Trong vòng 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ có quyết định hỗ trợ. Trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố: Trong vòng 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ có báo cáo gửi Chủ tịch UBND thành phố. Trong vòng 05 ngày làm việc tiếp theo, Chủ tịch UBND thành phố có quyết định hỗ trợ. + Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu: Sở Khoa học và Công nghệ sẽ ra thông báo đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc trả hồ sơ. Trường hợp tổ chức nộp lại hồ sơ sửa đổi, bổ sung mà không đầy đủ các thành phần theo quy định, không bảo đảm yêu cầu để thẩm định thì hồ sơ xem như không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ từ chối tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung của tổ chức.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/2024/NQ-HĐND; - Văn bản công nhận/chứng nhận là đối tác chiến lược trong

	lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo của cấp có thẩm quyền; - Bản sao hợp đồng ký kết giữa đối tác chiến lược và nhân lực có trình độ chuyên môn cao; - Hồ sơ chứng minh nhân lực đạt điều kiện tại điểm b, Khoản 1, Điều 5 Nghị quyết Quy định chính sách phát triển nguồn nhân lực lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; - Sao kê tài khoản ngân hàng về việc chuyển tiền lương, tiền công cho nhân lực chuyên môn cao trong năm. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc - Hội đồng thẩm định: 05 ngày làm việc. - Sở Khoa học và Công nghệ: 05 ngày làm việc (bao gồm thời gian thành lập hội đồng và thời gian xem xét kết quả thẩm định của hội đồng). - Chủ tịch UBND thành phố: 05 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: + Trường hợp dưới 01 tỷ đồng: Sở Khoa học và Công nghệ; + Trường hợp từ 01 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng: Chủ tịch UBND thành phố.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí thuê nhân lực có trình độ chuyên môn cao làm việc tại các doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/2024/NQ-HĐND).
Yêu cầu, điều kiện	Không có

thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 57/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của HĐND thành phố Đà Nẵng Quy định chính sách phát triển nguồn nhân lực lĩnh vực vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Chi phí thuê nhân lực có trình độ chuyên môn cao làm việc tại các doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở:.....
3. Mã số thuế:.....
4. Mã ngành nghề kinh doanh:.....
6. Chủ sở hữu:.....
5. Người đại diện pháp luật:
Họ và tên:..... Giới tính:.....
Chức vụ:..... Quốc tịch:.....
6. Thông tin liên hệ
Số điện thoại:..... Fax:.....
Email:..... Website:.....

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NHẬN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ THUÊ NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CAO

(Điền đầy đủ thông tin và đánh dấu ✓ vào ô ☐ của nội dung đề nghị hỗ trợ)

1. Văn bản công nhận/chứng nhận là đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo của cấp có thẩm quyền.

Không ☐ Có ☐

2. Bản sao hợp đồng ký kết giữa nhân lực với đối tác chiến lược.

Không ☐ Có ☐

3. Sao kê tài khoản ngân hàng.

Không ☐ Có ☐

Liệt kê tài liệu đính kèm khác (nếu có):

III. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

Không ☐

Có ☐

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về thông tin của mình.

Kính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng xem xét, trình Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng phê duyệt./.

....., ngày.....tháng.....năm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Xác nhận là Đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận Một cửa sẽ gửi thông báo nêu lý do từ chối hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định ++ Nếu hồ sơ đạt yêu cầu: Trong vòng 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cáo và trình Chủ tịch UBND thành phố thành lập Hội đồng thẩm định. Trong vòng 03 ngày làm việc, Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. Trong vòng 10 ngày làm việc, Hội đồng thẩm định thẩm định hồ sơ. Trong vòng 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ có báo cáo gửi UBND thành phố. Trong vòng 07 ngày làm việc tiếp theo, UBND thành phố có văn bản báo cáo HĐND thành phố xem xét. Sau khi xem xét, HĐND thành phố có văn bản công nhận đối tác chiến lược của thành phố Đà Nẵng trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. + Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu: Sở Khoa học và Công nghệ sẽ ra thông báo đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc trả hồ sơ. Trường hợp tổ chức nộp lại hồ sơ sửa đổi, bổ sung mà không đầy đủ các thành phần theo quy định, không bảo đảm yêu cầu để thẩm định thì hồ sơ xem như không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ từ chối tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung của tổ chức.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 1, ban hành kèm

	theo Nghị quyết số 58/2024/NQ-HĐND. - Giấy Đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư; - Biên bản ghi nhớ với UBND Thành phố về hợp tác trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; - Tài liệu chứng minh doanh thu toàn cầu năm gần nhất trên 25.000 tỷ đồng; - Cam kết hỗ trợ Thành phố về phần mềm, phần cứng, đào tạo nhân lực và các nội dung để phát triển vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; Cam kết phát triển lâu dài tại Thành phố với thời gian tối thiểu 05 năm. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc (không bao gồm thời gian HĐND thành phố xem xét, quyết định). - Hội đồng thẩm định: 10 ngày làm việc. - Sở Khoa học và Công nghệ: 10 ngày làm việc (bao gồm thời gian thành lập hội đồng và thời gian xem xét kết quả thẩm định của hội đồng). - UBND thành phố: 10 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng. - Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan - Cơ quan quyết định: HĐND thành phố.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản công nhận đối tác chiến lược của thành phố Đà Nẵng trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị xác nhận đối tác chiến lược thuộc lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (Mẫu số 01, ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2024/NQ-HĐND).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có

có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 58/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của HĐND thành phố Đà Nẵng Quy định các chính sách ưu đãi, nội dung và mức hỗ trợ tài sản kết cấu hạ tầng thông tin để phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, trình tự tiếp nhận, quản lý, khai thác, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng thông tin trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC THUỘC LĨNH
 VỰC VI MẠCH BÁN DẪN, TRÍ TUỆ NHÂN TẠO**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về quy định đầu tư, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thông tin phục vụ lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

..... (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị) đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét xác nhận doanh nghiệp là đối tác chiến lược thuộc lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo với nội dung chi tiết như sau:

Phần 1. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ghi bằng chữ in hoa)

Tên doanh nghiệp viết tắt (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):

2. Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do cấp ngày..... tại ...

4. Vốn điều lệ:

5. Điện thoại: Fax:

6. Website (nếu có) E-mail:

7. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên Chức vụ:

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Điện thoại: E-mail:

8. Người liên hệ thường xuyên trong quá trình thực hiện thủ tục

Họ tên: Chức vụ:

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu:

Điện thoại: E-mail:

Phần 2. Nội dung đề nghị xác nhận là đối tác chiến lược thuộc lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo

(1) Nội dung về lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp

(2) Nội dung về doanh thu toàn cầu của doanh nghiệp trong năm tài chính gần nhất

(3) Nội dung cam kết với thành phố

...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

Tài liệu kèm theo gồm có:

(1)

(2)

...

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong giấy đề nghị xác nhận doanh nghiệp vi mạch bán dẫn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

....., ngày tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

4. Hỗ trợ về tài sản kết cấu hạ tầng thông tin trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận Một cửa sẽ gửi thông báo nêu lý do từ chối hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định + Nếu hồ sơ đạt yêu cầu: Trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Khoa học và Công nghệ: Trong vòng 20 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ có quyết định hỗ trợ. Trường hợp thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố: Trong vòng 10 ngày làm việc, Hội đồng thẩm định thẩm định hồ sơ. Trong vòng 10 ngày làm việc tiếp theo, Sở Khoa học và Công nghệ có báo cáo gửi UBND thành phố. Trong vòng 10 ngày làm việc tiếp theo, UBND thành phố có văn bản báo cáo HĐND thành phố xem xét. Sau khi xem xét, HĐND thành phố có văn bản thống nhất hỗ trợ. + Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu: Sở Khoa học và Công nghệ sẽ ra thông báo đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc trả hồ sơ. Trường hợp tổ chức nộp lại hồ sơ sửa đổi, bổ sung mà không đầy đủ các thành phần theo quy định, không bảo đảm yêu cầu để thẩm định thì hồ sơ xem như không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ từ chối tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung của tổ chức.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: * Trường hợp nhà đầu tư chiến lược, đối tác chiến lược

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02, ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2024/NQ-HĐND;

+ Văn bản công nhận/chứng nhận là nhà đầu tư chiến lược, đối tác chiến lược thuộc lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo của cấp có thẩm quyền;

+ Tài liệu chứng minh:

Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh tổng chi phí mua thiết bị hỗ trợ sản xuất, chi phí di chuyển tài sản, dây chuyền, thiết bị, công nghệ, chi phí đối với các dự án đầu tư mới (nếu có);

Hợp đồng thuê tài sản kết cấu hạ tầng thông tin và chứng từ liên quan (nếu có);

Văn bản xác nhận của cơ quan thuế và bảo hiểm xã hội về việc tổ chức, doanh nghiệp hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ đối với người lao động.

* Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02, ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2024/NQ-HĐND.

+ Tài liệu chứng minh:

Tài liệu chứng minh doanh thu (hợp đồng, hóa đơn, chứng từ...) từ lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo;

Hợp đồng thuê tài sản kết cấu hạ tầng thông tin và chứng từ liên quan (nếu có);

Văn bản xác nhận của cơ quan thuế và bảo hiểm xã hội về việc tổ chức, doanh nghiệp hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ đối với người lao động.

* Trường hợp Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực vi mạch, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 2, ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2024/NQ-HĐND;

+ Văn bản xác nhận Doanh nghiệp có hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của cấp có thẩm quyền (đối với doanh nghiệp);

+ Văn bản Mô tả dự án theo Mẫu số 3, Đề cương dự án thể hiện việc thực hiện một trong các hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 58/2024/NQ-HĐND (đối với dự án);

	+ Bản cam kết về việc sử dụng mặt bằng được bố trí đúng mục đích. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND thành phố: 30 ngày làm việc (không bao gồm thời gian HĐND thành phố xem xét, quyết định). Trong đó: + Hội đồng thẩm định: 10 ngày làm việc. + Sở Khoa học và Công nghệ: 10 ngày làm việc (bao gồm thời gian thành lập hội đồng và thời gian xem xét kết quả thẩm định của hội đồng). + UBND thành phố: 10 ngày làm việc. - Trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Khoa học và Công nghệ: 20 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: + Chính sách đối với Nhà đầu tư chiến lược, đối tác chiến lược: HĐND thành phố. + Chính sách đối với các đối tượng còn lại: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan phối hợp (trong trường hợp thẩm định hồ sơ của Nhà đầu tư chiến lược, đối tác chiến lược): Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản thống nhất của HĐND thành phố hoặc Quyết định của Sở Khoa học và Công nghệ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 02, ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2024/NQ-HĐND. - Văn bản Mô tả dự án theo mẫu số 03, ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2024/NQ-HĐND.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có

có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 58/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của HĐND thành phố Đà Nẵng Quy định các chính sách ưu đãi, nội dung và mức hỗ trợ tài sản kết cấu hạ tầng thông tin để phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, trình tự tiếp nhận, quản lý, khai thác, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng thông tin trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số/2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về quy định đầu tư, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thông tin phục vụ lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

..... (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị) đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ thuê tài sản kết cấu hạ tầng thông tin với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức cá nhân đề nghị hỗ trợ:

2. Địa chỉ:

3. Mã số thuế:

4. Điện thoại:

5. E-mail:

6. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

- Sinh ngày:

- Số căn cước công dân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

7. Đề nghị xem xét hỗ trợ thuê tài sản kết cấu hạ tầng thông tin để phục vụ dự án

..... (Tên dự án)

TT	Nội dung hỗ trợ cụ thể	Mức đề nghị hỗ trợ
1		
2		
.....		

8. Các hồ sơ kèm theo:

(1)

(2)

...

9. Cam kết

(1) Tính chính xác của những thông tin đã kê khai.

(2) Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

(3) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

...

Chúng tôi cam đoan các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình tham gia hỗ trợ và triển khai thử nghiệm. Kính đề nghị quý Sở quan tâm xem xét.

....., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
CÁ NHÂN/DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC
THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

MÔ TẢ DỰ ÁN

1. Quy mô dự án:
2. Thời gian thực hiện dự án:
3. Vui lòng đánh dấu các hoạt động dự án liên quan đến lĩnh vực vi mạch, bán dẫn và trí tuệ nhân tạo

- ☐ Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ các thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ ưu tiên;
- ☐ Quản lý, đào tạo và phát triển nhân lực theo nhu cầu thị trường ngành công nghiệp bán dẫn và trí tuệ nhân tạo;
- ☐ Phát triển mô hình đầu tư và hợp tác mới;
- ☐ Các hoạt động liên quan khác, đính kèm văn bản giải trình.

4. Công mới nghệ áp dụng (nếu có):.....
5. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến kết quả đầu ra):
.....
6. Đối tượng tham gia:
7. Thời gian triển khai:
8. Nội dung:
9. Kinh phí thực hiện:
10. Kế hoạch triển khai:
11. Tổ chức thực hiện:
12. Các nội dung liên quan khác

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

5. Xác nhận là doanh nghiệp vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định, nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận Một cửa sẽ gửi thông báo nêu lý do từ chối hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm định + Nếu hồ sơ đạt yêu cầu: Trong vòng 20 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ có văn bản xác nhận doanh nghiệp vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. + Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu: Sở Khoa học và Công nghệ sẽ ra thông báo đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc trả hồ sơ. Trường hợp tổ chức nộp lại hồ sơ sửa đổi, bổ sung mà không đầy đủ các thành phần theo quy định, không bảo đảm yêu cầu để thẩm định thì hồ sơ xem như không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ từ chối tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung của tổ chức.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: * Trường hợp xác nhận doanh nghiệp vi mạch bán dẫn: + Văn bản đề nghị xác nhận doanh nghiệp vi mạch bán dẫn; + Hợp đồng thuê nhân sự làm việc trong lĩnh vực thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử vi mạch bán dẫn kèm bảng chi trả lương, thu nhập; + Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có tham gia hoạt động vi mạch bán dẫn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 59/2024/NĐ-HĐND;

	+ Tài liệu chứng minh có một trong các hoạt động sau: Đầu tư mua sắm, nhận viện trợ, cho tặng trang thiết bị, phần mềm, dây chuyền phục vụ thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử để hoạt động trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn hoặc doanh thu phát sinh trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn. * Trường hợp xác nhận doanh nghiệp có hoạt động trí tuệ nhân tạo: + Văn bản đề nghị xác nhận doanh nghiệp có hoạt động trí tuệ nhân tạo (trong đó cam kết không vi phạm bản quyền phần mềm, sản phẩm không vi phạm pháp luật hiện hành); + Hợp đồng thuê nhân sự làm việc trong lĩnh vực thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử trí tuệ nhân tạo kèm bảng chi trả lương; + Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có tham hoạt động trí tuệ nhân tạo theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết 59/2024/NĐ-HĐND; + Tài liệu chứng minh có một trong các hoạt động sau: Đầu tư mua sắm, nhận viện trợ, cho tặng trang thiết bị, phần mềm, dây chuyền phục vụ thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử để hoạt động trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo; Doanh thu, sản phẩm đầu ra trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo; + Tài liệu chứng minh các hoạt động hoặc các tài liệu liên quan khác (Giấy chứng nhận bản quyền/sở hữu trí tuệ,...). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	20 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản xác nhận doanh nghiệp có hoạt động vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Giấy đề nghị xác nhận doanh nghiệp có hoạt động vi mạch bán dẫn, theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/2024/NQ-HĐND. - Giấy đề nghị xác nhận doanh nghiệp có hoạt động trí tuệ nhân tạo, theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/2024/NQ-HĐND.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Nghị quyết số 59/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của HĐND thành phố Đà Nẵng Quy định các nội dung để xác nhận doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

(Tên doanh nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Đà Nẵng, ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN DOANH NGHIỆP
CÓ HOẠT ĐỘNG VI MẠCH BÁN DẪN

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số .../2024/NQ-HĐND ngày .../12/2024. Của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc....

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng xác nhận doanh nghiệp vi mạch bán dẫn với nội dung chi tiết như sau:

Phần 1. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ghi bằng chữ in hoa)

Tên doanh nghiệp viết tắt (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):

2. Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do cấp ngày tại

4. Vốn điều lệ:

5. Điện thoại: Fax:

6. Website (nếu có) E-mail:

7. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên Chức vụ:

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Điện thoại: E-mail:

8. Người liên hệ thường xuyên trong quá trình thực hiện thủ tục

Họ tên: Chức vụ:

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu:

Điện thoại: E-mail:

9. Mã số thuế doanh nghiệp:

Phần 2. Nội dung đề nghị xác nhận

a) Nội dung liên quan đến vi mạch bán dẫn mà công ty tham gia:

.....

b) Nội dung liên quan đến việc: Đầu tư mua sắm, nhận viện trợ, cho tặng trang thiết bị, phần mềm, dây chuyền phục vụ thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử để hoạt động trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn.

.....

c) Nội dung liên quan đến thuê nhân sự trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn:

.....

Phần 3. Thời điểm đề nghị xác nhận

Năm.....

Phần 4. Tài liệu kèm theo

Tài liệu kèm theo gồm có:

1

2

Phần 5. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong giấy đề nghị xác nhận doanh nghiệp vi mạch bán dẫn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

(Tên doanh nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Đà Nẵng, ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN DOANH NGHIỆP CÓ
HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số .../2024/NQ-HĐND ngày .../12/2024. Của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc....

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng xác nhận doanh nghiệp có hoạt động trí tuệ nhân tạo trong năm... với nội dung chi tiết như sau:

Phần 1. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ghi bằng chữ in hoa)

Tên doanh nghiệp viết tắt (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):

2. Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do cấp ngày tại

4. Vốn điều lệ:

5. Điện thoại: Fax:

6. Website (nếu có) E-mail:

7. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên Chức vụ:

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Điện thoại: E-mail:

8. Người liên hệ thường xuyên trong quá trình thực hiện thủ tục

Họ tên: Chức vụ:

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu:

Điện thoại: E-mail:

Phần 2. Nội dung đề nghị xác nhận

a) Nội dung trí tuệ nhân tạo mà công ty tham gia:

.....

b) Nội dung liên quan đến việc: Đầu tư mua sắm, nhận viện trợ, cho tặng trang thiết bị, phần mềm, dây chuyền phục vụ thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử để hoạt động trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo hoặc doanh thu trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo hoặc sản phẩm đầu ra trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo

.....

c) Nội dung liên quan đến thuê nhân sự trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo:

.....

Phần 3. Thời hạn đề nghị xác nhận

Năm.....

Phần 4. Tài liệu kèm theo

Tài liệu kèm theo gồm có:

1

2

Phần 5. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong giấy đề nghị xác nhận doanh nghiệp có hoạt động trí tuệ nhân tạo năm và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

2. Các sản phẩm trí tuệ nhân tạo do công ty thực hiện không phục vụ các công việc vi phạm các quy định pháp luật hiện hành.

3. Công ty không vi phạm bản quyền trong quá trình thực hiện các hoạt động trí tuệ nhân tạo đề nghị xác nhận tại văn bản này.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)